

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 20.6.2020

9. Kinh Chánh Tri Kiến (Sammādiṭṭhi Sutta)

Tên kinh được gọi là Kinh Chánh Tri Kiến vì nội dung đề cập tới chánh kiến hay sự hiểu biết chơn chánh. Tại chùa Kỳ Viên Jetavana (Kỳ-đà Lâm) lúc bấy giờ Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) giảng pháp cho chư tỳ kheo. Ngài nêu rõ cái nhìn chơn chánh của một tỳ kheo là tri kiến dựa trên phân biệt thiện và bất thiện, tứ thực hay những dưỡng tố duy trì sự hiện hữu, tứ đế, thập nhị duyên khởi, và ba lậu hoặc.

039. Cái nhìn đúng đắn, hiểu biết chính xác, niềm tin bất thối và có sở đắc trong giáo pháp

Tôn giả Sāriputta tự nêu một câu hỏi để làm tiền đề về chánh tri kiến:



Kinh Văn

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sāvathī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) gọi các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo". --"Hiền giả", các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

-- Chư Hiền, chánh tri kiến, chánh tri kiến, được gọi là như vậy. Chư Hiền, cho đến như thế nào, một Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

-- Chúng tôi từ xa đến để được hiểu ý nghĩa lời nói ấy từ Tôn giả Sāriputta. Thật lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta giảng cho ý nghĩa lời nói ấy. Sau khi nghe Tôn giả Sāriputta, các Tỳ-kheo sẽ thọ trì.

-- Chư Hiền, vậy hãy nghe, hãy khéo tác ý. Ta sẽ giảng.

-- Thừa vâng, Hiền giả!

- Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

040. Chánh tri kiến là hiểu biết đúng đắn về thiện ác

Muốn hiểu rõ thiện và bất thiện cần hiểu cả hai phương diện sở hành và gốc rễ.



Kinh Văn

-- Chư Hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bản bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bản thiện, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là bất thiện, thế nào là căn bản bất thiện, thế nào là thiện, thế nào là căn bản thiện? Chư Hiền, sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong các dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện.

Và chư Hiền, thế nào là căn bản bất thiện? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bản bất thiện.

Và này chư Hiền, thế nào là thiện? Từ bỏ sát sanh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, chánh tri kiến là thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là thiện.

Chư Hiền, thế nào là căn bản thiện? Không tham là căn bản thiện, không sân là căn bản thiện, không si là căn bản thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bản thiện.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bản bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bản thiện như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "Tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền,

như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

041. Chánh tri kiến là hiểu biết đúng đắn về chất liệu nuôi dưỡng sự sống

Sự hiện hữu của tất cả chúng sanh do duyên nghiệp tạo thành chứ không phải tự nhiên mà có hay do một đấng sáng tạo làm nên. Những chất liệu tác thành và nuôi dưỡng Phật học gọi là tứ thực:



Kinh Văn

-- Lành thay, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta và hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

- Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn, tuệ tri tập khởi của thức ăn, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn, và tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn, chư Hiền khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thức ăn, thế nào là tập khởi của thức ăn, thế nào là đoạn diệt của thức ăn, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn? Chư Hiền, có bốn loại thức ăn này, khiến các loài chúng sanh đã sanh được an trú hay các loài hữu tình sẽ sanh được hỗ trợ cho sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực, loại thô hay loại tế, xúc thực là thứ hai, tư niệm thực là thứ ba, thức thực là thứ tư. Từ tập khởi của ái có tập khởi của thức ăn, từ đoạn diệt của ái có đoạn diệt của thức ăn. Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn, tức là: Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn như vậy, tuệ tri tập khởi của thức ăn như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy

miên, nhờ tận gốc kiến mạn tùy miên "Tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

042. Chánh tri kiến là hiểu biết đúng đắn về sự khổ, cội nguồn của khổ, sự diệt khổ, và con đường thoát khổ

Chánh tri kiến theo Phật Pháp là hiểu rõ bản chất của đau khổ và sự thoát khổ theo giáo lý tứ đế:



Kinh Văn

-- Lành thay, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

-- Nay Hiền giả, có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri Khổ, tuệ tri Tập khởi của khổ, tuệ tri Đoạn diệt của khổ, tuệ tri con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là Khổ, thế nào là Tập khởi của khổ, thế nào là Đoạn diệt của khổ, thế nào là con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ ưu não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Chư Hiền, như vậy gọi là Khổ.

Chư Hiền, thế nào là Tập khởi của khổ? Chính là ái đưa đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham hướng đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Chư Hiền, như vậy gọi là Tập khởi của khổ.

Chư Hiền, thế nào là Đoạn diệt của khổ? Đó là sự đoạn diệt ly tham, không có dư tàn, sự quăng bỏ, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp khát ái ấy.

Chư Hiền, thế nào là con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ? Chính là Thánh Đạo Tám Ngành đưa đến khổ diệt, tức là Chánh tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri Khổ như vậy, tuệ tri Tập khởi của khổ như vậy, tuệ tri Đoạn diệt của khổ như vậy, tuệ tri con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ như vậy, khi ấy vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên,... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

043. Chánh tri kiến là hiểu biết đúng dẫn giáo lý duyên khởi

Sự hiện hữu là giòng tiếp nối của những những tác động “do cái này sanh nên khiến cái kia sanh”. Các pháp hữu vi đều vừa năng duyên và vừa là sở duyên.



Kinh Văn

(Già và chết)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử... (như trên)... thành tựu diệu pháp này?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri già chết, tuệ tri tập khởi của già chết, tuệ tri đoạn diệt của già chết, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến,... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là già chết, thế nào là tập khởi của già chết, thế nào là đoạn diệt của già chết, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của già chết? Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào, trong từng mỗi loại hữu tình, sự già cả, suy lão, rụng răng, tóc bạc da nhăn, tuổi thọ ngày một hao mòn, bại hoại các căn; chư Hiền, như vậy gọi là già. Chư Hiền thế nào là chết? Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào trong từng mỗi loại hữu tình, sự mệnh một, từ trần, hủy hoại, hoại diệt, tử biệt, mệnh chung, hủy hoại các uẩn, vất bỏ hình hài; chư Hiền, như vậy gọi là chết. Già như vậy và chết như vậy, chư Hiền, như vậy gọi là già chết. Từ sự tập khởi của sanh, có sự tập khởi của già chết, từ sự đoạn diệt của sanh, có sự đoạn diệt của già chết. Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của già chết, tức là: Chánh Tri kiến... (như trên)... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri già chết như vậy, tuệ tri tập khởi của già chết như vậy, tuệ tri đoạn diệt của già chết như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên... (như trên)..., và thành tựu diệu pháp này.

(Sanh)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri sanh, tuệ tri tập khởi của sanh, tuệ tri đoạn diệt của sanh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sanh, chư Hiền, khi ấy vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là sanh, thế nào là tập khởi của sanh, thế nào là đoạn diệt của sanh, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của sanh? Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào trong từng mỗi loại hữu tình, sự sanh, hiện khởi, xuất hiện, hiện diện, hiện hành các uẩn, tụ đặc các xứ; Chư Hiền, như vậy gọi là sanh. Từ sự tập khởi của hữu có sự tập khởi của sanh, từ sự đoạn diệt của hữu, có sự đoạn diệt của sanh, và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sanh, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri được sanh như vậy, tuệ tri được tập khởi của sanh như vậy, tuệ tri được đoạn diệt của sanh như vậy, tuệ tri được con đường đưa đến đoạn diệt của sanh như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... (như trên)... như vậy... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

(Hữu)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hữu, tuệ tri tập khởi của hữu, tuệ tri đoạn diệt của hữu, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu, chư Hiền, khi ấy vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là hữu, thế nào là tập khởi của hữu, thế nào là đoạn diệt của hữu, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu? Chư Hiền, có ba hữu này: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Từ tập khởi của thủ, có tập khởi của hữu; từ đoạn diệt của thủ có đoạn diệt của hữu và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hữu như vậy, tuệ tri tập khởi của hữu như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hữu như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

(Thủ)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?
- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri tập khởi của thủ, tuệ tri đoạn diệt của thủ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thủ, thế nào là tập khởi của thủ, thế nào là đoạn diệt của thủ, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ? Chư Hiền, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Từ tập khởi của ái, có tập khởi của thủ; từ đoạn diệt của ái, có đoạn diệt của thủ; và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thủ như vậy, tuệ tri tập khởi của thủ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thủ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên và thành tựu diệu pháp này.

(Ái)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền khi nào Thánh đệ tử tuệ tri ái, tuệ tri tập khởi của ái, tuệ tri đoạn diệt của ái, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là ái, thế nào là tập khởi của ái, thế nào là đoạn diệt của ái, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của ái? Chư Hiền, có sáu loại ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Từ tập khởi của thọ, có tập của ái, từ đoạn diệt của thọ, có đoạn diệt của ái, và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của ái, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri ái như vậy, tuệ tri tập khởi của ái như vậy, tuệ tri đoạn diệt của ái như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái như vậy, khi ấy, vị ấy, đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp.

(Thọ)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thọ, tuệ tri tập khởi của thọ, tuệ tri đoạn diệt của thọ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thọ, thế nào là tập khởi của thọ, thế nào là đoạn diệt của thọ, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ? Chư Hiền, có sáu loại thọ này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Từ tập khởi của xúc, có tập khởi của thọ; từ đoạn diệt của xúc, có đoạn diệt của thọ; và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thọ như vậy, tuệ tri tập khởi của thọ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thọ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

(Xúc)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri xúc, tuệ tri tập khởi của xúc, tuệ tri đoạn diệt của xúc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của xúc, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là xúc, thế nào là tập khởi của xúc, thế nào là đoạn diệt của xúc, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc? Chư Hiền, có sáu loại xúc này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Từ tập khởi của sáu nhập, có tập khởi từ xúc; từ đoạn diệt của sáu nhập, có đoạn diệt của xúc, và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri xúc như vậy, tuệ tri tập khởi của xúc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của xúc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của xúc như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

(Nhập)

-- Lành thay, Hiền giả...câu hỏi như sau: Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri sáu nhập, tuệ tri tập khởi của sáu nhập, tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là sáu nhập, thế nào là tập khởi của sáu nhập, thế nào là đoạn diệt của sáu nhập, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập? Chư Hiền, có sáu nhập này: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập. Từ tập khởi của danh sắc có tập khởi của sáu nhập; từ đoạn diệt của danh sắc có đoạn diệt của sáu nhập; và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào vị Thánh đệ tử tuệ tri sáu nhập như vậy, tuệ tri tập khởi của sáu nhập như vậy, tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu hạnh pháp này.

(Danh sắc)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri danh sắc, tuệ tri tập khởi của danh sắc, tuệ tri đoạn diệt của danh sắc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu hạnh pháp này.

Chư Hiền, thế nào là danh sắc, thế nào là tập khởi của danh sắc, thế nào là đoạn diệt của danh sắc, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, chư Hiền, như vậy gọi là danh; bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, chư Hiền, như vậy gọi là sắc; như vậy đây là danh và đây là sắc, Chư Hiền, như vậy gọi là danh sắc. Từ tập khởi của thức, có tập khởi của danh sắc; từ đoạn diệt của thức, có đoạn diệt của danh sắc; và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri danh sắc như vậy, tuệ tri tập khởi của danh sắc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của danh sắc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc như vậy, khi ấy, vị ấy, đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu hạnh pháp này.

(Thức)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức, tuệ tri tập khởi của thức, tuệ tri đoạn diệt của thức, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thức, thế nào là tập khởi của thức, thế nào là đoạn diệt của thức, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức? Chư Hiền, có sáu loại thức này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Từ tập khởi của hành, có tập khởi của thức; từ đoạn diệt của hành có đoạn diệt của thức; và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức như vậy, tuệ tri tập khởi của thức như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

(Hành)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hành, tuệ tri tập khởi của hành, tuệ tri đoạn diệt của hành, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là hành, thế nào là tập khởi của hành, thế nào là đoạn diệt của hành, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hành? Chư Hiền, có ba loại hành này: thân hành, ngữ hành, tâm hành. Từ tập khởi của vô minh, có tập khởi của hành; từ đoạn diệt của vô minh, có đoạn diệt của hành; và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hành, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hành như vậy, tuệ tri tập khởi của hành như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hành như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

(Vô minh)

-- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri vô minh, tuệ tri tập khởi của vô minh, tuệ tri đoạn diệt của vô minh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt

của vô minh, khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là vô minh, thế nào là tập khởi của vô minh, thế nào là đoạn diệt của vô minh, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh? Sự không tuệ tri về khổ, không tuệ tri về khổ tập, không tuệ tri về khổ diệt, không tuệ tri về con đường đưa đến khổ diệt, Chư Hiền, như vậy gọi là vô minh. Từ tập khởi của lậu hoặc, có tập khởi của vô minh; từ đoạn diệt của lậu hoặc, có đoạn diệt của vô minh; và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri vô minh như vậy, tuệ tri tập khởi của vô minh như vậy, tuệ tri đoạn diệt của vô minh như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

-- Lành thay, Hiền giả!

045. Chánh tri kiến là hiểu biết đúng đắn về bờ mê và bến giác

Lậu hoặc, vô minh được hiểu là đầu mối của sanh tử; tuệ giác thành tựu do bát chánh đạo được hiểu là bến bờ giải thoát:



Kinh Văn

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sariputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

-- Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

-- Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri lậu hoặc, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc. Chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là lậu hoặc, thế nào là tập khởi của lậu hoặc, thế nào là đoạn diệt của lậu hoặc, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc? Chư Hiền, có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Từ tập khởi của vô minh có tập khởi của lậu hoặc; từ đoạn diệt của vô minh có đoạn diệt của lậu hoặc và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc, tức là: Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri lậu hoặc như vậy, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "Tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời giảng của Tôn giả Sāriputta.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Phân đoạn & chú thích: Tỷ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

**Kinh số 9 [tóm tắt]
Kinh Chánh Tri Kiến
(Sammādiṭṭhi Sutta)
(M.i, 46)**

Tôn giả Sāriputta thuyết kinh này. Ngài giải thích thế nào là Chánh tri kiến, một Thánh đệ tử có Chánh tri kiến phải như thế nào để có Chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này. Vị Thánh đệ tử cần phải quán tri mười sáu đề tài, như vậy mới có Chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối, và có thành tựu diệu pháp.

1/ Quán tri bất thiện, căn bản bất thiện, quán tri thiện, căn bản bất thiện. Bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục (byāpādo), tà kiến. Căn bản của bất thiện là tham, sân, si (lobha, dosa, moha). Thiện là từ bỏ sát sanh... là chánh kiến. Căn bản của thiện là không tham, không sân, không si.

2/ Quán tri các thức ăn, thức ăn tập khởi, thức ăn đoạn diệt và con đường đạo đến thức ăn đoạn diệt. Có bốn thức ăn, duy trì sự sống cho các chúng sanh và hỗ trợ cho các chúng sanh sẽ sanh được sanh. Đó là đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, thức thực. Tập khởi của thức ăn là ái. Ái diệt là thức ăn diệt. Thánh đạo tám ngành là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn. Nhờ quán tri như vậy, vị ấy đoạn trừ tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc ngã hữu kiến mạn tùy miên (asmiti ditthimānanusayam), làm cho vô minh đoạn, minh khởi, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại.

3/ Quán tri khổ, khổ tập, khổ diệt, con đường đạo đến khổ diệt. Sanh, già, bệnh, chết, sầu bi khổ ưu não, cầu không được, và tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Tập khởi của khổ là ái, đưa đến tái sanh, cầu hữu với hỷ và tham, tâm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Ái diệt là khổ diệt. Con đường đưa đến khổ diệt là Chánh đạo Tám chi.

4/ Già chết, già chết tập khởi, già chết đoạn diệt, con đường đạo đến già chết đoạn diệt. Già là sự già cả, suy lão, rụng răng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ ngày một hao mòn, bại hoại các căn; chết là sự mệnh một, từ trần, hủy hoại, hoại diệt, tử biệt, mệnh chung, hủy hoại các uẩn, vất bỏ hình hài. Tập khởi của già chết là sanh. Sanh đoạn diệt là già chết đoạn diệt. Con đường đưa đến già chết đoạn diệt là Chánh đạo Tám chi.

5/ Sanh, sanh tập khởi, sanh đoạn diệt, con đường đạo đến sanh đoạn diệt. Sanh là sự sanh, hiện khởi, xuất hiện, hiện diện, hiện hành các uẩn, tụ đặc các xứ. Tập khởi của sanh là hữu. Hữu đoạn diệt là sanh đoạn diệt. Con đường đưa đến sanh đoạn diệt là Chánh đạo Tám chi.

6/ Hữu, hữu tập khởi, hữu đoạn diệt, con đường đạo đến hữu đoạn diệt. Hữu là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Tập khởi của hữu là thủ. Thủ diệt là hữu diệt. Con đường đưa đến hữu đoạn diệt là Chánh đạo Tám chi.

7/ Thủ, thủ tập khởi, thủ đoạn diệt, con đường đạo đến thủ đoạn diệt. Thủ có bốn: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Tập khởi của thủ là ái. Ái đoạn diệt là thủ đoạn diệt. Con đường đưa đến thủ đoạn diệt là Chánh đạo Tám chi.

8/ Ái, ái tập khởi, ái đoạn diệt, con đường đạo đến ái đoạn diệt. Ái có sáu: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Tập khởi của ái là thọ. Thọ đoạn diệt là ái đoạn diệt. Con đường đưa đến ái đoạn diệt là Chánh đạo Tám chi.

9/ Thọ, thọ tập khởi, thọ đoạn diệt, con đường đạo đến thọ đoạn diệt. Thọ có sáu: thọ do mắt xúc chạm sanh, thọ do tai xúc chạm sanh, thọ do mũi xúc chạm sanh, thọ do lưỡi xúc chạm sanh, thọ do thân xúc chạm sanh, thọ do ý xúc chạm sanh. Tập khởi của thọ là xúc. Xúc đoạn diệt là thọ đoạn diệt. Con đường đưa đến thọ đoạn diệt là Chánh đạo Tám chi.

10/ Xúc, xúc tập khởi, xúc đoạn diệt, con đường đạo đến xúc đoạn diệt. Xúc có sáu: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Tập khởi của xúc là lục nhập. Lục nhập diệt là xúc diệt. Con đường đưa đến xúc diệt là Chánh đạo Tám chi.

11/ Lục nhập, lục nhập tập khởi, lục nhập đoạn diệt, con đường đạo đến lục nhập đoạn diệt. Lục nhập là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tập khởi của lục nhập là danh sắc. Danh sắc diệt là lục nhập diệt. Con đường đưa đến lục nhập diệt là Chánh đạo Tám chi.

12/ Danh sắc, danh sắc tập khởi, danh sắc đoạn diệt, con đường đạo đến danh sắc đoạn diệt. Danh là thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý. Sắc là bốn đại chủng và bốn đại sở tạo sắc. Tập khởi của danh sắc là thức. Thức diệt là danh sắc diệt. Con đường đưa đến danh sắc diệt là Chánh đạo Tám chi.

13/ Thức, thức tập khởi, thức diệt, con đường đạo đến thức diệt. Thức có sáu: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Tập khởi của thức là hành. Hành diệt là thức diệt. Con đường đưa đến thức diệt là Chánh đạo Tám chi.

14/ Hành, hành tập khởi, hành diệt, con đường đạo đến hành diệt. Hành có ba: thân hành, khẩu hành, tâm hành. Tập khởi của hành là vô minh. Vô minh diệt là hành diệt. Con đường đưa đến hành diệt là Chánh đạo Tám chi.

15/ Vô minh, vô minh tập khởi, vô minh diệt, con đường đạo đến vô minh diệt. Do không rõ biết (annānam) khổ, không rõ biết khổ tập, không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường đưa đến khổ diệt là vô minh. Tập khởi của vô minh là lậu hoặc. Lậu hoặc diệt là vô minh diệt. Con đường đưa đến vô minh diệt là Chánh đạo Tám chi.

16/ Lậu hoặc, lậu hoặc tập khởi, lậu hoặc diệt, con đường đạo đến lậu hoặc diệt. Các lậu hoặc gồm có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Tập khởi của lậu hoặc là vô minh. Vô minh diệt là lậu hoặc diệt. Con đường đưa đến lậu hoặc diệt là Chánh đạo Tám chi.

Khi nào vị Thánh đệ tử có quán tri lậu hoặc như vậy, lậu hoặc tập khởi như vậy, lậu hoặc đoạn diệt như vậy, con đường đưa đến lậu hoặc đoạn diệt như vậy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tỳ sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc ngã hữu kiến mạn tùy miên, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại.

Như vậy gọi là vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối, và thành tựu diệu pháp này.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 9 [dàn ý]
Kinh Chánh Tri Kiến
(Sammādiṭṭhi Sutta)
(M.i, 46)

A. Duyên khởi:

Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, Tôn giả Sāriputta giải thích thế nào là Chánh tri kiến, thế nào là có lòng tịnh tín đối với pháp, thế nào là thành tựu diệu pháp này.

B. Chánh kinh:

Tôn giả giải thích Chánh tri kiến đối với 16 pháp. Nhờ chánh tri kiến đoạn tận các tùy miên, chấm dứt các khổ đau.

I. Đối với bất thiện, căn bản bất thiện, đối với thiện và căn bản thiện.

II. Đối với 4 thức ăn: Đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực và thức thực.

III. Đối với khổ, khổ tập, khổ diệt, con đường đưa đến khổ diệt.

IV. Đối với già chết, già chết tập khởi, già chết đoạn diệt, con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

V. Đối với sanh, sanh tập khởi, sanh đoạn diệt, con đường đưa đến sanh đoạn diệt.

VI. Đối với hữu, hữu tập khởi, hữu đoạn diệt, con đường đưa đến hữu đoạn diệt.

VII. Đối với thủ, thủ tập khởi, thủ đoạn diệt, con đường đưa đến thủ đoạn diệt.

VIII. Đối với ái, ái tập khởi, ái đoạn diệt, con đường đưa đến ái đoạn diệt.

IX. Đối với thọ, thọ tập khởi, thọ đoạn diệt, con đường đưa đến thọ đoạn diệt.

X. Đối với xúc, xúc tập khởi, xúc đoạn diệt, con đường đưa đến xúc đoạn diệt.

XI. Đối với 6 nhập, 6 nhập tập khởi, 6 nhập đoạn diệt, con đường đưa đến 6 nhập đoạn diệt.

XII. Đối với danh sắc, danh sắc tập khởi, danh sắc đoạn diệt, con đường đưa đến danh sắc đoạn diệt.

XIII. Đối với thức, thức tập khởi, thức đoạn diệt, con đường đưa đến thức đoạn diệt.

XIV. Đối với hành, hành tập khởi, hành đoạn diệt, con đường đưa đến hành đoạn diệt.

XV. Đối với vô minh, vô minh tập khởi, vô minh đoạn diệt, con đường đưa đến vô minh đoạn diệt.

XVI. Đối với lậu hoặc, lậu hoặc tập khởi, lậu hoặc đoạn diệt, con đường đưa đến lậu hoặc đoạn diệt.

C. Kết luận:

Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta thuyết giảng.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 9 [toát yếu]
Kinh Chánh Tri Kiến
(Sammādiṭṭhi Sutta)
(M.i, 46)

I. Toát yếu

Sammādiṭṭhi Sutta - Right view.

A long and important discourse by the venerable Sāriputta, with separate sections on the wholesome and unwholesome, nutriment, the four Noble Truths, the twelve factors of dependent origination, and the taints.

Cái thấy chân chính.

Một bản kinh dài và quan trọng do tôn giả Xá-lợi-phất thuyết giảng, với nhiều đoạn tách biệt nói về thiện và bất thiện, về thức ăn, về Bốn chân lý cao cả, về 12 nhân duyên và các ô nhiễm.

II. Tóm tắt

Tôn giả Xá-lợi-phất giảng về 16 pháp môn nhờ đó một thánh đệ tử được gọi là có sự thấy biết chân chính.

1. Tuệ tri bất thiện và gốc rễ của bất thiện; thiện và gốc rễ của thiện:

Khi tuệ tri như trên, vị thánh đệ tử đoạn trừ tất cả tùy miên tham, sân, nhố tận gốc kiến chấp và kiêu mạn "tôi là ", đoạn trừ vô minh, khiến mình khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như thế vị ấy được gọi là người có tri kiến chính trực, có lòng tin tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

2. Tuệ tri thức ăn, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt thức ăn.

Ở đây cần hiểu "thức ăn" theo nghĩa rộng, là yếu tố chính làm cho sinh tử tiếp nối không dứt.

3. Tuệ tri Khổ: Khổ, Tập khởi của khổ, đoạn diệt của khổ và con đường đưa đến đoạn diệt khổ.

Khổ là sinh, già, bệnh, chết, và tất cả khổ đau trong cuộc tồn sinh khi đã có ra năm uẩn.

Tập khởi của khổ là ái đưa đến tái sinh, cùng với hỷ và tham, tìm cầu khoái lạc chỗ này chỗ kia. Đoạn diệt của khổ là ly tham, không còn dư tàn các loại ái. Con đường đưa đến đoạn diệt khổ là thánh đạo tám ngành.

4. Tuệ tri Già chết: tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Già chết.

Từ tập khởi của Sinh, có tập khởi của Già chết; từ đoạn diệt của Sinh, có đoạn diệt của Già chết. Con đường đưa đến đoạn diệt của Già chết là thánh đạo tám ngành.

5. Tuệ tri Sinh, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Sinh.

Từ tập khởi của Hữu, có tập khởi của Sinh; từ đoạn diệt của Hữu, có đoạn diệt của Sinh. Con đường đưa đến đoạn diệt của Sinh là thánh đạo tám ngành.

6. Tuệ tri Hữu, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Hữu.

Từ tập khởi của Thủ, có tập khởi của Hữu; từ đoạn diệt của Thủ, có đoạn diệt của Hữu. Con đường đưa đến đoạn diệt của Hữu là thánh đạo tám ngành.

7. Tuệ tri Thủ, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Thủ.

Từ tập khởi của Ái, có tập khởi của Thủ; từ đoạn diệt của Ái, có đoạn diệt của Thủ. Con đường đưa đến đoạn diệt của Thủ là thánh đạo tám ngành.

8. Tuệ tri Ái, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Ái.

Từ tập khởi của Thọ, có tập khởi của Ái; từ đoạn diệt của Thọ, có đoạn diệt của Ái. Con đường đưa đến đoạn diệt của Ái là thánh đạo tám ngành.

9. Tuệ tri Thọ, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Thọ.

Từ tập khởi của Xúc, có tập khởi của Thọ; từ đoạn diệt của Xúc, có đoạn diệt của Thọ. Con đường đưa đến đoạn diệt của Thọ là thánh đạo tám ngành.

10. Tuệ tri Xúc, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của xúc.

Từ tập khởi của Sáu nhập, có tập khởi của Xúc; từ đoạn diệt của Sáu nhập, có đoạn diệt của Xúc. Con đường đưa đến đoạn diệt của Xúc là thánh đạo tám ngành.

11. Tuệ tri Sáu nhập, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Sáu nhập.

Từ tập khởi của Danh-sắc, có tập khởi của Sáu nhập; từ đoạn diệt của Danh-sắc, có đoạn diệt của Sáu nhập. Con đường đưa đến đoạn diệt của Sáu nhập là thánh đạo tám ngành.

12. Tuệ tri Danh-sắc, tập khởi, đoạn diệt và đường đưa đến đoạn diệt Danh-sắc.

Từ tập khởi của Thức, có tập khởi của Danh-sắc; từ đoạn diệt của Thức, có đoạn diệt của Danh-sắc. Con đường đưa đến đoạn diệt của Danh-sắc là thánh đạo tám ngành.

13. Tuệ tri Thức, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Thức.

Từ tập khởi của Hành, có tập khởi của Thức; từ đoạn diệt của Hành, có đoạn diệt của Thức. Con đường đưa đến đoạn diệt của Thức là thánh đạo tám ngành.

14. Tuệ tri Hành, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Hành.

Từ tập khởi của Vô minh, có tập khởi của Hành; từ đoạn diệt của Vô minh, có đoạn diệt của Hành. Con đường đưa đến đoạn diệt của Hành là thánh đạo tám ngành.

15. Tuệ tri Vô minh, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Vô minh.

Từ tập khởi của Lậu hoặc, có tập khởi của Vô minh; từ đoạn diệt của Lậu hoặc, có đoạn diệt của Vô minh. Con đường đưa đến đoạn diệt của Vô minh là thánh đạo tám ngành.

16. Tuệ tri Lậu hoặc, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Lậu hoặc.

Từ tập khởi của Vô minh, có tập khởi của Lậu hoặc; từ đoạn diệt của Vô minh, có đoạn diệt của Lậu hoặc. Con đường đưa đến đoạn diệt của Lậu hoặc là thánh đạo tám ngành.

III. Chú giải

Chánh kiến có hai: thế gian và xuất thế. Chánh kiến thế gian cũng có hai: thấy nhân quả như người ngoài đạo cũng thấy; và cái thấy phù hợp với bốn thánh đế chỉ có trong Phật giáo. Chánh kiến xuất thế là tuệ tri Bốn thánh đế nhờ đã đạt bốn đạo bốn

quả. Ở đây tôn giả Xá-lợi-phất ám chỉ chánh kiến xuất thế gian của bậc hữu học khi nói đến "lòng tin tuyệt đối" và "thành tựu diệu pháp".

Gốc rễ bất thiện, vì chính tham sân si điều động tất cả hành vi bất thiện về thân ngữ ý.

Thùy miên khuynh hướng vi tế trong tâm.

Tuệ tri thiện và gốc rễ thiện... Vị thánh đệ tử tuệ tri bốn điều theo Bốn chân lý: tất cả hành nghiệp thiện bất thiện là chân lý về Khổ; gốc rễ thiện và bất thiện là chân lý về Tập; sự không sinh khởi cả hai loại hành vi cùng với gốc rễ của chúng, là chân lý về Diệt; và con đường để thực hiện Diệt ấy là chân lý về Đạo. Khi tuệ tri như trên, vị thánh đệ tử đạt đến một trong các giai đoạn đầu của Hữu học là các đạo quả Dự lưu, Nhất lai, có chánh kiến siêu thế, nhưng chưa gọi là đã tận trừ các nhiễm ô phiền não. Đoạn kế tiếp "đoạn trừ tất cả tham sân tùy miên", cho đến "diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại" là sự tu tập đạo lộ Bất hoàn cho đến quả vị A-la-hán: tham sân tùy miên diệt ở Bất hoàn đạo, vô minh và kiến mạn tùy miên "TÔI LÀ" diệt ở A-la-hán đạo.

Bất thiện là 10 nghiệp ác: 3 thuộc thân, 4 thuộc ngữ và ba thuộc ý: tham, sân, tà kiến. Gốc rễ bất thiện là tham sân si.

Thiện là từ bỏ 10 bất thiện nói trên. Gốc rễ thiện là không tham không sân không si. Thức ăn có bốn loại: đoàn, xúc, tư niệm và thức. Đoàn thực ("đoàn" là nắm cơm, theo kiểu ăn bốc) nuôi thể xác hay sắc; xúc thực (sự tiếp xúc căn trần) nuôi thọ; tư niệm thực nuôi dưỡng thức; thức thực nuôi dưỡng danh sắc.

Tập khởi là nhóm hợp nhiều yếu tố để khởi lên; nói "nguyên nhân" thì dễ hiểu hơn nhưng không lột hết được ý "duyên khởi" của Phật, là không có cái gì là "nguyên nhân đầu tiên", cũng không có một nhân duy nhất mà còn rất nhiều "duyên" hỗ trợ dẫn đến quả.

Ái được gọi là nguồn gốc của thức ăn, vì do ái trong đời trước mà có ra con người hiện tại tiếp tục lệ thuộc và tiêu thụ bốn loại thức ăn nói trên. Có ba loại: dục ái (say mê khoái lạc giác quan), hữu ái (say mê khoái lạc cõi trời) và phi hữu ái (say mê hư vô tịch mịch).

Mười hai đoạn từ 4 - 15 là 12 chi duyên khởi theo chiều nghịch, bắt đầu từ già chết. Mười hai chi làm nên "cây nhân sinh" này theo Thanh tịnh đạo, giống như một dây leo có 12 đốt, muốn phá bỏ nó để chấm dứt sinh tử luân hồi, ta có thể nắm bất cứ

một đốt nào để lôi tuốt lên cả gốc lẫn ngọn. Điều cần thiết là phải nắm thật vững chắc, tức là tuệ tri theo nguyên lý tứ diệu đế.

Hữu có ba, là dục, sắc và vô sắc - Hữu vừa chỉ cõi vừa chỉ hành nghiệp đưa chúng sinh sinh vào cõi ấy. Cõi dục là nơi tái sinh của chúng sinh nhiều ham muốn đối với khoái lạc giác quan. Cõi sắc là nơi chúng sinh tham cái đẹp, như cõi trời ở cõi dục, vì ham muốn ở đây thanh tao hơn. Cõi vô sắc là nơi chúng sinh say mê tư duy thiền định. Chúng sinh trong cả ba cõi đều bị trói buộc và không cố định, ví dụ từ vô sắc có thể đọa xuống cõi sắc hoặc cõi dục. Như tư tưởng vốn vô sắc nhưng ví dụ nghĩ đến đồ chua một lát thì miệng có thể ra nhiều nước bọt, thành "sắc" (sắc có nghĩa là vật chất thô và tế, do 4 đại tạo).

Thủ là sự nắm giữ, chấp chặt. Có 4: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã luận thủ. Dục thủ là chủ trương hưởng lạc; ngã luận thủ đồng nghĩa với "ngã kiến" hay một trong 20 quan niệm về bản ngã đề cập trong kinh số 44.

Giới cấm thủ là chủ trương phải tuân giữ một số nghi thức, khổ hạnh nào đó để thanh lọc tội lỗi. Kiến thủ là ôm giữ bất cứ một quan điểm nào ngoài hai "thủ" vừa kể.

Ái có sáu loại do có sáu đối tượng là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Thọ (cảm nhận, chịu đựng) có sáu loại, phát sinh do sáu giác quan mắt tai mũi lưỡi thân ý tiếp xúc với đối tượng.

Xúc có sáu loại do có sáu giác quan: nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Sáu nhập còn gọi là sáu căn hay sáu nội xứ, tức sáu giác quan mắt tai mũi lưỡi thân ý.

Danh sắc: "Danh" gồm 5 pháp là thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý (t "tâm sở biên hành" trong Duy thức. Ví dụ một cái nhìn đơn thuần là đủ 5 yếu tố: trước hết là sự tiếp xúc của con mắt với đối tượng, kế đến là tác ý hay để ý, rồi tưởng hay hoạt động của trí nhớ để đặt tên, xếp loại... Kèm theo là cảm giác hay thọ là hoạt động của cảm xúc do thói quen. Cuối cùng tư là hoạt động của ý chí, khuynh hướng ưa, chán hoặc dừng dung đối với đối tượng trước mắt). "Sắc" gồm tứ đại tạo nên thể xác: chất rắn như xương thuộc địa đại, chất lỏng thuộc thủy đại, hơi ẩm thuộc hỏa đại, sự chuyển động hay gió trong cơ thể thuộc phong đại.

Thức có sáu loại: tức cái biết của mắt vv, gọi là nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức.

Hành ở đây là "khuyh hướng hành động" hay nghiệp, có ba: thân hành, khẩu hành, ý hành.

Vô minh là không tuệ tri về Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Lậu hoặc: Có ba lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Trong lậu hoặc đã có sẵn vô minh. Vô minh sinh ra lậu hoặc rồi lậu hoặc lại sinh ra vô minh. Nên hiểu là, vô minh trong một đời nào cũng có cái nhân hay điều kiện là vô minh từ đời trước đấy. Bởi thế không thể chỉ rõ cái mối đầu của vô minh, và cũng không có mối đầu cho dòng sinh tử.

IV. Pháp số

Ba ái: dục ái, hữu ái, phi hữu ái [tham ngũ dục, tham cõi trời và tham hư vô].

Ba hành: thân, ngữ, ý hành.

Ba lậu hoặc

Ba thiện căn: vô tham, vô sân, vô si.

Ba bất thiện căn: tham, sân, si.

Ba hữu: dục, sắc, và vô sắc.

Bốn tùy miên: tham, sân, kiến, mạn.

Bốn thức ăn: Đoàn, xúc, tư niệm, thức.

Bốn đại sở tạo sắc.

Bốn chân lý

Bốn thủ: dục, giới cấm, kiến, ngã luận.

Năm thủ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức bị chấp thủ là "tôi" và "của tôi".

Năm biến hành tâm sở: xúc, tác, ý, thọ, tưởng, tư.

Sáu ái: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ái.

Sáu thọ: thọ do nhãn xúc sinh, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh.

Sáu xúc: nhãn xúc... ý xúc.

Sáu nhập: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu cái cửa qua đó ngoại vật đi vào tâm thức.

Sáu thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Tám thánh đạo hay Thánh đạo tám ngành.

Mười thiện nghiệp: sự không làm mười bất thiện.

Mười bất thiện nghiệp: ba cửa thân là sát, đạo, dâm; 4 ngữ nghiệp là nói dối, hai lưỡi, thô tục và phù phiếm; 3 cửa ý là tham, sân và tà kiến.

Mười hai nhân duyên: từ vô minh đến già chết.

V. Kệ tụng

A. Tuệ tri thiện bất thiện:

1. Chánh tri kiến thành tựu

Khi vị thánh đệ tử

Tuệ tri thiện bất thiện

Cùng gốc rễ của chúng

2. Bất thiện gồm mười điều:

Sát sinh và trộm cắp

Tà hạnh trong các dục

Nói dối và đâm thọc

Ác khẩu và thù dật

Tham, sân cùng tà kiến.

Gốc rễ của bất thiện

Là tham sân và si.

3. Thiện là bỏ mười ác

Và gốc rễ của thiện

Là không tham, sân, si

Khi tuệ tri như vậy
Nhỏ tận tham tùy miên
Và kiến, mạn tùy miên
Không còn chấp "Tôi là"
Vô minh diệt, minh sinh.

B. Tuệ tri thức ăn:

1. Bốn loại thức ăn này:
Đoàn, xúc, tư niệm, thức
Khiến dòng sống tiếp tục
Để tái diễn khổ sâu.

2. Thức ăn này do "ái"
Diệt ái, hết thức ăn
Phương pháp đoạn diệt ái
Là thánh đạo tám ngành.

3. Tuệ tri thức ăn này
Theo nguyên lý Bốn diệu
Đệ tử sạch tham ái
Diệt khổ ngay hiện tại.

4. Nhỏ tận tham tùy miên
Và kiến, mạn tùy miên
Không còn chấp "Tôi là"
Vô minh diệt, minh sinh.

C. Tuệ tri Khổ:

Khổ là sinh, già chết
Sầu bi khổ não ưu
Kèm theo thân năm uẩn
Nguồn gốc đống khổ này
Là "ái" khiến tái sinh
Tìm hỷ lạc cùng khắp:
Dục, hữu và phi hữu.
Muốn giải thoát khổ này
Hãy từ bỏ khát ái
Đoạn diệt không dư tàn.
Phương pháp đoạn diệt khổ

Là tám ngành thánh đạo.

D. Tuệ tri Già chết

Hoặc tuệ tri Già chết
Theo nguyên lý Bốn diệu:
Nỗi đau ê ẩm này
Không có nếu không sinh
Muốn đoạn trừ Già chết
Hãy đoạn trừ tái sinh
Con đường đoạn tận Sinh
Là tám ngành thánh đạo.

E. Tuệ tri Sinh

Hoặc tuệ tri về Sinh
Cùng tập khởi, đoạn diệt.
Sinh bắt nguồn từ Hữu
[Khuyh hướng muốn có mặt]
Muốn đoạn diệt Sinh
Thì đừng ham có mặt
Con đường đoạn diệt Sinh
Là tám ngành thánh đạo.

F. Tuệ tri Hữu

Hoặc tuệ tri về Hữu
Tập khởi cùng đoạn diệt.
Có ba loại hữu này
Dục, sắc và vô sắc
Hữu là do chấp thủ
Muốn có mặt ở đây
Con đường đoạn diệt Hữu
Là tám ngành thánh đạo.

G. Tuệ tri Thủ

Hoặc tuệ tri về Thủ
Tập khởi cùng đoạn diệt.
Có bốn chấp thủ này

Dục thủ và kiến thủ
Giới thủ và ngã luận
Nguồn gốc thủ là ái
Diệt ái thì thủ diệt
Con đường đoạn diệt
Thủ Là tám ngành thánh đạo.
H. Tuệ tri Ái
Hoặc tuệ tri về Ái
Tập khởi cùng đoạn diệt.
Ái gồm có sáu loại
Yêu sắc, thanh, hương, vị
Xúc, và pháp vô hình.
Nguồn gốc ái là thọ
Dứt thọ thì ái diệt
Con đường đoạn diệt Ái
Là tám ngành thánh đạo.

I. Tuệ tri Thọ

Hoặc tuệ tri về Thọ
Tập khởi cùng đoạn diệt
Có sáu loại thọ này
Do có sáu giác quan
Nên nguồn gốc của Thọ
Là căn, trần tiếp xúc
Dứt xúc thì thọ diệt
Con đường đoạn diệt Thọ
Là tám ngành thánh đạo.

J. Tuệ tri Xúc

Hoặc tuệ tri về Xúc
Tập khởi cùng đoạn diệt
Có sáu loại xúc này
Do có sáu giác quan
Nên nguồn gốc của Xúc
Là mắt tai mũi lưỡi...
Không giác quan, không xúc
Con đường đoạn diệt
Xúc Là tám ngành thánh đạo.

K. Tuệ tri Sáu nhập:

Hoặc tuệ tri Sáu nhập:
Qua đó sáu đối tượng
Đi vào trong tâm thức
Còn gọi "sáu giác quan".
Nguồn gốc của Sáu nhập
Chính là danh và sắc:
Diệt được cái nguồn gốc
Thì sáu nhập không sinh.
Con đường đoạn Sáu nhập
Là tám ngành thánh đạo.

L. Tuệ tri Danh sắc

Hoặc tuệ tri Danh sắc
Sắc là thân vật lý
Phần tâm lý là danh
Nguồn gốc nó là Thức
Diệt được cái nguồn gốc
Thì danh sắc không sinh.
Con đường đoạn Danh sắc
Là tám ngành thánh đạo.

M. Tuệ tri Thức

Hoặc tuệ tri về Thức
Gồm s'au loại tất cả
Cùng tập khởi, đoạn diệt
Nguồn gốc nó là Hành
Diệt được cái nguồn gốc
Thì Thức sẽ không sinh
Con đường đoạn diệt Thức
Là tám ngành thánh đạo.

N. Tuệ tri về Hành

Hoặc tuệ tri về Hành
Gồm ba: thân, ngữ, ý

Cùng tập khởi, đoạn diệt
Nguồn gốc là Vô minh
Diệt được cái nguồn gốc
Thì Hành sẽ không sinh
Con đường đoạn diệt ấy
Là tám ngành thánh đạo.

O. Tuệ tri vô minh

Hoặc tuệ tri Vô minh
Cùng tập khởi, đoạn diệt
Vô minh là không sáng
Đối với bốn chân lý.
Vô minh do Lậu hoặc
Diệt được gốc của nó
Thì vô minh cũng diệt
Con đường đoạn Vô minh
Là tám ngành thánh đạo.

P. Tuệ tri Lậu hoặc

Hoặc tuệ tri Lậu hoặc
Gồm dục, hữu, vô minh
Vô minh sinh ba hoặc
Ba hoặc dưỡng vô minh.
Dứt sạch được vô minh
Thì không còn lậu hoặc.
Con đường đoạn Lậu hoặc
Là tám ngành thánh đạo.

KẾT:

Ai tuệ tri như vậy
Là có chính tri kiến
Có đức tin chân chính
Thành tựu diệu pháp này.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

9. Sammādiṭṭhisuttam [Mūla]

89. Evam me sutam : ekam samayam Bhagavā savatthiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho āyasmā sārīputto bhikkhū āmantesi : "āvuso bhikkhaveti. "Āvusoti kho te bhikkhū āyasmato sārīputtassa paccassosum. Āyasmā sārīputto etadavoca : "sammādiṭṭhi [sammādiṭṭhī (sī. syā.)] sammādiṭṭhīti, āvuso, vuccati. Kittāvatā nu kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti? "dūratopi kho mayam, āvuso, āgaccheyyāma āyasmato sārīputtassa santike etassa bhāsītassa atthamaññātuṃ. Sādhū vatāyasmantaṃyeva sārīputtam paṭibhātu etassa bhāsītassa attho. Āyasmato sārīputtassa sutvā bhikkhū dhāressantīti. "Tena hi, āvuso, suṇātha, sādhuḥkaṃ manasi karotha, bhāsissāmīti. "Evamāvusoti kho te bhikkhū āyasmato sārīputtassa paccassosum. Āyasmā sārīputto etadavoca : "yato kho, āvuso, ariyasāvako akusalaṅca pajānāti, akusalamūlaṅca pajānāti, kusalaṅca pajānāti, kusalamūlaṅca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamaṃ panāvuso, akusalaṃ, katamaṃ akusalamūlaṃ, katamaṃ kusalaṃ, katamaṃ kusalamūlaṃ? pāṇātipāto kho, āvuso, akusalaṃ, adinnādānaṃ akusalaṃ, kāmesumicchācāro akusalaṃ, musāvādo akusalaṃ, piṣuṇā vācā [piṣuṇavācā (ka.)] akusalaṃ, pharusā vācā [pharusavācā (ka.)] akusalaṃ, samphappalāpo akusalaṃ, abhijjhā akusalaṃ, byāpādo akusalaṃ, micchādiṭṭhi akusalaṃ : idaṃ vuccatāvuso akusalaṃ. Katamañcāvuso, akusalamūlaṃ? lobho akusalamūlaṃ, doso akusalamūlaṃ, moho akusalamūlaṃ : idaṃ vuccatāvuso, akusalamūlaṃ. "Katamañcāvuso , kusalaṃ? pāṇātipātā veramaṇī kusalaṃ, adinnādānā veramaṇī kusalaṃ, kāmesumicchācārā veramaṇī kusalaṃ, musāvādā veramaṇī kusalaṃ, piṣuṇāya vācāya veramaṇī kusalaṃ, pharusāya vācāya veramaṇī kusalaṃ, samphappalāpā veramaṇī kusalaṃ, anabhijjhā kusalaṃ, abyāpādo kusalaṃ, sammādiṭṭhi kusalaṃ : idaṃ vuccatāvuso, kusalaṃ. Katamañcāvuso, kusalamūlaṃ? alobho kusalamūlaṃ, adoso kusalamūlaṃ, amoho kusalamūlaṃ : idaṃ vuccatāvuso, kusalamūlaṃ. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ akusalaṃ pajānāti, evaṃ akusalamūlaṃ pajānāti, evaṃ kusalaṃ pajānāti, evaṃ kusalamūlaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya, paṭighānusayaṃ paṭivinodetvā, 'asmīti diṭṭhimānānusayaṃ samūhanitvā, avijjaṃ pahāya vijjaṃ uppādetvā, diṭṭhevadhamme dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

90. "Sādhāvusoti kho te bhikkhū āyasmato sārīputtassa bhāsitaṃ abhinanditvā anumoditvā āyasmantaṃ sārīputtam uttari [uttariṃ (sī. syā. pī.)] pañhaṃ apucchum

[apucchimsu (syā.)] : "siyā panāvuso, aññopi pariyāyo yathā ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti? "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako āhārañca pajānāti, āhārasamudayañca pajānāti, āhāranirodhañca pajānāti, āhāranirodhagāminim paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamo panāvuso, āhāro, katamo āhārasamudayo, katamo āhāranirodho, katamā āhāranirodhagāminī paṭipadā? cattārome, āvuso, āhārā bhūtānaṃ vā sattānaṃ ṭhitiyā, sambhavesīnaṃ vā anuggahāya. Katame cattāro? kabaḷīkāro āhāro oḷāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyā, viññānaṃ catutthaṃ. Taṇhāsamudayā āhārasamudayo, taṇhānirodhā āhāranirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo āhāranirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo sammāvācā sammākammanto , sammājīvo sammāvāyāmo sammāsati sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ āhāraṃ pajānāti, evaṃ āhārasamudayaṃ pajānāti, evaṃ āhāranirodhaṃ pajānāti, evaṃ āhāranirodhagāminim paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya, paṭighānusayaṃ paṭivinodetvā, 'asmīti diṭṭhimānānusayaṃ samūhanitvā, avijjaṃ pahāya vijjaṃ uppādetvā, diṭṭhevadhamme dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

91. "Sādhāvusoti kho te bhikkhū āyasmato sārīputtassa bhāsitaṃ abhinanditvā anumoditvā āyasmantaṃ sārīputtaṃ uttari pañhaṃ apucchum : "siyā panāvuso, aññopi pariyāyo yathā ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti? "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako dukkhañca pajānāti, dukkhasamudayañca pajānāti, dukkhanirodhañca pajānāti, dukkhanirodhagāminim paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamaṃ panāvuso, dukkhaṃ, katamo dukkhasamudayo, katamo dukkhanirodho, katamā dukkhanirodhagāminī paṭipadā? jātipi dukkhā, jarāpi dukkhā, maraṇampi dukkhaṃ, sokaparidevadukkhadomanassupāyāsāpi dukkhā, appiyehi sampayogopi dukkho, piyehi vippayogopi dukkho, yampicchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ, saṃkhittena pañcupādānakkhandhā [pañcupādānakkhandhāpi (ka.)] dukkhā : idaṃ vuccatāvuso, dukkhaṃ. Katamo cāvuso, dukkhasamudayo? yāyaṃ taṇhā ponobbhavikā nandīrāgasahagatā [ponobbhavikā (sī. pī.)] tatratrābhinandinī [nandīrāgasahagatā (sī. pī.)], seyyathidaṃ, kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā : ayaṃ vuccatāvuso, dukkhasamudayo. Katamo cāvuso, dukkhanirodho? yo tassāyeva taṇhāya asesavirāganīrodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo : ayaṃ vuccatāvuso, dukkhanīrodho. Katamā cāvuso, dukkhanīrodhagāminī paṭipadā? ayameva ariyo

aṭṭhaṅgiko maggo, seyyathidaṃ, sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhi : ayaṃ vuccatāvuso, dukkhanirodhagāminī paṭipadā. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ dukkhaṃ pajānāti, evaṃ dukkhasamudayaṃ pajānāti, evaṃ dukkhanirodhaṃ pajānāti, evaṃ dukkhanirodhagāminim paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya, paṭighānusayaṃ paṭivinodetvā, 'asmīti diṭṭhimānānusayaṃ samūhanitvā, avijjaṃ pahāya vijjaṃ uppādetvā, diṭṭhevadhamme dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

92. "Sādhāvusoti kho te bhikkhū āyasmato sārīputtassa bhāsitaṃ abhinanditvā anumoditvā āyasmantaṃ sārīputtaṃ uttari pañhaṃ apucchum : "siyā panāvuso, aññopi pariyāyo yathā ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti?" siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako jarāmarañāṅca pajānāti, jarāmarāṇasamudayaṅca pajānāti, jarāmarāṇanirodhaṅca pajānāti, jarāmarāṇanirodhagāminim paṭipadaṅca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamaṃ panāvuso, jarāmarāṇaṃ, katamo jarāmarāṇasamudayo, katamo jarāmarāṇanirodho, katamā jarāmarāṇanirodhagāminī paṭipadā? yā tesam tesam sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jarā jīraṇatā khaṇḍiccaṃ pāliccaṃ valittacatā āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripāko : ayaṃ vuccatāvuso, jarā. Katamañcāvuso, marāṇaṃ? yā [yaṃ (pī. ka.), satipaṭṭhānasuttepi] tesam tesam sattānaṃ tamhā tamhā sattanikāyā cuti cavanatā bhedo antaradhānaṃ maccu marāṇaṃ kālaṃkiriyā khandhānaṃ bhedo, kaḷavarassa nikkhepo, jīvitindriyassupacchedo : idaṃ vuccatāvuso, marāṇaṃ. Iti ayaṅca jarā idaṅca marāṇaṃ : idaṃ vuccatāvuso, jarāmarāṇaṃ. Jāṭisamudayā jarāmarāṇasamudayo, jāṭinirodhā jarāmarāṇanirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo jarāmarāṇanirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhi. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ jarāmarāṇaṃ pajānāti, evaṃ jarāmarāṇasamudaṃ pajānāti, evaṃ jarāmarāṇanirodhaṃ pajānāti, evaṃ jarāmarāṇanirodhagāminim paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya - pe - dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

93. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako jāṭiṅca pajānāti, jāṭisamudayaṅca pajānāti, jāṭinirodhaṅca pajānāti, jāṭinirodhagāminim paṭipadaṅca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamā panāvuso, jāṭi, katamo jāṭisamudayo, katamo jāṭinirodho, katamā jāṭinirodhagāminī paṭipadā? yā tesam

tesaṃ sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jāti sañjāti okkanti abhinibbatti khandhānaṃ pātubhāvo, āyatanānaṃ paṭilābho : ayaṃ vuccatāvuso, jāti. Bhavasamudayā jātisamudayo, bhavanirodhā jātinirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo jātinirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ jātiṃ pajānāti, evaṃ jātisamudayaṃ pajānāti, evaṃ jātinirodhaṃ pajānāti, evaṃ jātinirodhagāminī paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya - pe - dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

94. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako bhavañca pajānāti, bhavasamudayañca pajānāti, bhavanirodhañca pajānāti, bhavanirodhagāminī paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamo panāvuso, bhavo, katamo bhavasamudayo, katamo bhavanirodho, katamā bhavanirodhagāminī paṭipadā? tayome, āvuso, bhavā : kāmabhavo, rūpabhavo, arūpabhavo. Upādānasamudayā bhavasamudayo, upādānanirodhā bhavanirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo bhavanirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ bhavaṃ pajānāti, evaṃ bhavasamudayaṃ pajānāti, evaṃ bhavanirodhaṃ pajānāti, evaṃ bhavanirodhagāminī paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya - pe - dukkhassantakaro hoti. Ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

95. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako upādānañca pajānāti, upādānasamudayañca pajānāti, upādānanirodhañca pajānāti, upādānanirodhagāminī paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamaṃ panāvuso, upādānaṃ, katamo upādānasamudayo, katamo upādānanirodho, katamā upādānanirodhagāminī paṭipadā? cattārimāni, āvuso, upādānāni : kāmupādānaṃ, diṭṭhupādānaṃ, sīlabbatupādānaṃ, attavādupādānaṃ. Taṇhāsamudayā upādānasamudayo, taṇhānirodhā upādānanirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo upādānanirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ upādānaṃ pajānāti, evaṃ upādānasamudayaṃ pajānāti, evaṃ upādānanirodhaṃ pajānāti, evaṃ upādānanirodhagāminī paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya - pe - dukkhassantakaro hoti :

ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

96. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako taṇhañca pajānāti, taṇhāsamudayañca pajānāti, taṇhānirodhañca pajānāti, taṇhānirodhagāminim paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammam. Katamā panāvuso, taṇhā, katamo taṇhāsamudayo, katamo taṇhānirodho, katamā taṇhānirodhagāminī paṭipadā? chayime, āvuso, taṇhākāyā : rūpataṇhā, saddataṇhā, gandhataṇhā, rasataṇhā, phoṭṭhabbatataṇhā, dhammataṇhā. Vedanāsamudayā taṇhāsamudayo, vedanānirodhā taṇhānirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo taṇhānirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhi. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ taṇham pajānāti, evaṃ taṇhāsamudayaṃ pajānāti, evaṃ taṇhānirodham pajānāti, evaṃ taṇhānirodhagāminim paṭipadam pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya - pe - dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

97. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako vedanañca pajānāti, vedanāsamudayañca pajānāti, vedanānirodhañca pajānāti, vedanānirodhagāminim paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammam. Katamā panāvuso, vedanā, katamo vedanāsamudayo, katamo vedanānirodho, katamā vedanānirodhagāminī paṭipadā? chayime, āvuso, vedanākāyā : cakkhusamphassajā vedanā, sotasamphassajā vedanā, ghānasamphassajā vedanā, jivhāsamphassajā vedanā, kāyasamphassajā vedanā, manosamphassajā vedanā. Phassasamudayā vedanāsamudayo, phassanirodhā vedanānirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo vedanānirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhi. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ vedanaṃ pajānāti, evaṃ vedanāsamudayaṃ pajānāti, evaṃ vedanānirodham pajānāti, evaṃ vedanānirodhagāminim paṭipadam pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya - pe - dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

98. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako phassañca pajānāti, phassasamudayañca pajānāti, phassanirodhañca pajānāti, phassanirodhagāminim paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme

aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamo panāvuso, phasso, katamo phassasamudayo, katamo phassanirodho, katamā phassanirodhagāminī paṭipadā? chayime, āvuso, phassakāyā : cakkhusamphasso, sotasamphasso , ghānasamphasso, jivhāsamphasso, kāyasamphasso, manosamphasso. Saḷāyatanasamudayā phassasamudayo, saḷāyatananirodhā phassanirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo phassanirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ phassaṃ pajānāti, evaṃ phassasamudayaṃ pajānāti, evaṃ phassanirodhaṃ pajānāti, evaṃ phassanirodhagāminiṃ paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya - pe - dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

99. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako saḷāyatanañca pajānāti, saḷāyatanasamudayañca pajānāti, saḷāyatananirodhañca pajānāti, saḷāyatananirodhagāminiṃ paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamaṃ panāvuso, saḷāyatanaṃ, katamo saḷāyatanasamudayo, katamo saḷāyatananirodho, katamā saḷāyatananirodhagāminī paṭipadā ? chayimāni, āvuso, āyatanāni : cakkhāyatanaṃ, sotāyatanaṃ, ghānāyatanaṃ, jivhāyatanaṃ, kāyāyatanaṃ, manāyatanaṃ. Nāmarūpasamudayā saḷāyatanasamudayo, nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo saḷāyatananirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ saḷāyatanaṃ pajānāti, evaṃ saḷāyatanasamudayaṃ pajānāti, evaṃ saḷāyatananirodhaṃ pajānāti , evaṃ saḷāyatananirodhagāminiṃ paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya...pe... dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

100. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako nāmarūpañca pajānāti, nāmarūpasamudayañca pajānāti, nāmarūpanirodhañca pajānāti, nāmarūpanirodhagāminiṃ paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamaṃ panāvuso, nāmarūpaṃ, katamo nāmarūpasamudayo, katamo nāmarūpanirodho, katamā nāmarūpanirodhagāminī paṭipadā? vedanā, saññā, cetanā, phasso, manasikāro : idaṃ vuccatāvuso, nāmaṃ cattāri ca mahābhūtāni, catunnañca mahābhūtānaṃ upādāyarūpaṃ : idaṃ vuccatāvuso, rūpaṃ. Iti idañca nāmaṃ idañca rūpaṃ : idaṃ vuccatāvuso, nāmarūpaṃ. Viññānasamudayā nāmarūpasamudayo, viññānanirodhā

nāmarūpanirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo nāmarūpanirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammāditṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ nāmarūpaṃ pajānāti, evaṃ nāmarūpasamudayaṃ pajānāti, evaṃ nāmarūpanirodhaṃ pajānāti, evaṃ nāmarūpanirodhagāminīṃ paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya - pe - dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammāditṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

101. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako viññāṇaṅca pajānāti, viññāṇasamudayaṅca pajānāti, viññāṇanīrodhaṅca pajānāti, viññāṇanīrodhagāminīṃ paṭipadaṅca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammāditṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katamaṃ panāvuso, viññāṇaṃ, katamo viññāṇasamudayo, katamo viññāṇanīrodho, katamā viññāṇanīrodhagāminī paṭipadā? chayime, āvuso, viññāṇakāyā : cakkhuvīññāṇaṃ, sotavīññāṇaṃ, ghānavīññāṇaṃ, jivhāvīññāṇaṃ, kāyavīññāṇaṃ, manovīññāṇaṃ. Saṅkhārasamudayā viññāṇasamudayo, saṅkhāranīrodhā viññāṇanīrodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo viññāṇanīrodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammāditṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ viññāṇaṃ pajānāti, evaṃ viññāṇasamudayaṃ pajānāti, evaṃ viññāṇanīrodhaṃ pajānāti, evaṃ viññāṇanīrodhagāminīṃ paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya - pe - dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammāditṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

102. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako saṅkhāre ca pajānāti, saṅkhārasamudayaṅca pajānāti, saṅkhāranīrodhaṅca pajānāti, saṅkhāranīrodhagāminīṃ paṭipadaṅca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammāditṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammaṃ. Katame panāvuso, saṅkhārā, katamo saṅkhārasamudayo, katamo saṅkhāranīrodho, katamā saṅkhāranīrodhagāminī paṭipadā? tayome, āvuso, saṅkhārā : kāyasaṅkhāro, vacīsaṅkhāro, cittasaṅkhāro. Avijjāsamudayā saṅkhārasamudayo, avijjānīrodhā saṅkhāranīrodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo saṅkhāranīrodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammāditṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ saṅkhāre pajānāti, evaṃ saṅkhārasamudayaṃ pajānāti, evaṃ saṅkhāranīrodhaṃ pajānāti, evaṃ saṅkhāranīrodhagāminīṃ paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya, paṭighānusayaṃ paṭivinodetvā, 'asmīti diṭṭhimānānusayaṃ samūhanitvā, avijjaṃ pahāya vijjaṃ uppādetvā, diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammāditṭhi

hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

103. "Sādhāvusoti kho - pe - apucchum : siyā panāvuso - pe - "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako avijjañca pajānāti, avijjāsamudayañca pajānāti, avijjānirodhañca pajānāti, avijjānirodhagāminim paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammam. Katamā panāvuso, avijjā, katamo avijjāsamudayo, katamo avijjānirodho, katamā avijjānirodhagāminī paṭipadā? yaṃ kho, āvuso, dukkhe aññāṇaṃ, dukkhasamudaye aññāṇaṃ, dukkhanirodhe aññāṇaṃ, dukkhanirodhagāminiyā paṭipadāya aññāṇaṃ : ayaṃ vuccatāvuso, avijjā. Āsavasamudayā avijjāsamudayo, āsavanirodhā avijjānirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo avijjānirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ avijjam pajānāti, evaṃ avijjāsamudayaṃ pajānāti, evaṃ avijjānirodhaṃ pajānāti, evaṃ avijjānirodhagāminim paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya, paṭighānusayaṃ paṭivinodetvā, 'asmīti diṭṭhimānānusayaṃ samūhanitvā, avijjam pahāya vijjam uppādetvā, diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti.

104. "Sādhāvusoti kho te bhikkhū āyasmato sārīputtassa bhāsitaṃ abhinanditvā anumoditvā āyasmantaṃ sārīputtaṃ uttari pañhaṃ apucchum : "siyā panāvuso, aññopi pariyāyo yathā ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammanti? "siyā, āvuso. Yato kho, āvuso, ariyasāvako āsavañca pajānāti, āsavasamudayañca pajānāti, āsavanirodhañca pajānāti, āsavanirodhagāminim paṭipadañca pajānāti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ saddhammam. Katamo panāvuso, āsavo, katamo āsavasamudayo, katamo āsavanirodho, katamā āsavanirodhagāminī paṭipadāti? tayome, āvuso, āsavā : kāmāsavo, bhavāsavo, avijjāsavo. Avijjāsamudayā āsavasamudayo, avijjānirodhā āsavanirodho, ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo āsavanirodhagāminī paṭipadā, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi - pe - sammāsamādhī. "Yato kho, āvuso, ariyasāvako evaṃ āsavaṃ pajānāti, evaṃ āsavasamudayaṃ pajānāti, evaṃ āsavanirodhaṃ pajānāti, evaṃ āsavanirodhagāminim paṭipadaṃ pajānāti, so sabbaso rāgānusayaṃ pahāya, paṭighānusayaṃ paṭivinodetvā, 'asmīti diṭṭhimānānusayaṃ samūhanitvā, avijjam pahāya vijjam uppādetvā, diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro hoti : ettāvatāpi kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti , ujugatāssa diṭṭhi, dhamme aveccappasādena samannāgato, āgato imaṃ

saddhammanti. Idamavocāyasmā sārīputto. Attamanā te bhikkhū āyasmato sārīputtassa bhāsitaṃ abhinanduntī.

Sammādiṭṭhisuttaṃ niṭṭhitaṃ navamaṃ. [Ito paraṃ kesuci potthakesu imāpi gāthāyo evaṃ dissanti : dukkhaṃ jarāmaraṇaṃ upādānaṃ, saḷāyatanānaṃ nāmarūpaṃ. Viññānaṃ yā sā pare, katamā panāvuso padānaṃ.. Kim jāti taṇhā ca vedanā, avijjāya catukkanayo. Cattāri pare katamā, panāvuso padānaṃ kevalaṃ.. Āhāro ca bhavo phasso, saṅkhāro āsavapañcamo. Yāva pañca pare katamā, panāvuso padānaṃ kim.. Katamanti chabbidhā vuttaṃ, katamāni catubbidhāni. Katamo pañcavidho vutto, sabbesaṃ ekasaṅkhānaṃ pañcanayapadāni cāti..]

9. Sammādiṭṭhisuttavaṇṇanā [Atthakathā]

89. Evaṃ me sutanti sammādiṭṭhisuttaṃ. Tattha “sammādiṭṭhi sammādiṭṭhīti, āvuso, vuccati, kittāvatā nu kho, āvuso”ti vā “katamaṃ panāvuso, akusala”nti vā evaṃ yattakā therena pucchā vuttā, sabbā kathetukamyatā pucchā eva.

Tattha yasmā jānantāpi sammādiṭṭhīti vadanti ajānantāpi bāhirakāpi sāsānikāpi anussavādivasenaṃpi attapaccakkhenāpi, tasmā taṃ bahūnaṃ vacanaṃ upādāya dvikkhattuṃ āmasanto “sammādiṭṭhi sammādiṭṭhīti, āvuso, vuccati”ti āha. Ayañhi ettha adhippāyo, aparehipi sammādiṭṭhīti vuccati, athāparehipi sammādiṭṭhīti vuccati, svāyaṃ evaṃ vuccamāno atthañca lakkhaṇaṃca upādāya kittāvatā nu kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hotīti. Tattha sammādiṭṭhīti sobhanāya pasatthāya ca diṭṭhiyā samannāgato. Yadā pana dhammeyeva ayaṃ sammādiṭṭhisaddo vattati, tadāssa sobhanā pasatthā ca diṭṭhi sammādiṭṭhīti evamattho veditabbo.

Sā cāyaṃ sammādiṭṭhi duvidhā hoti lokiyā lokuttarāti. Tattha kammassakatāññaṃ saccānulomikaññaṃca lokiyā sammādiṭṭhi, saṅkhepato vā sabbāpi sāsavā paññā. Ariyamaggaphalasampayuttā paññā lokuttarā sammādiṭṭhi. Puggalo pana tividho hoti puthujjano sekkho asekkho ca. Tattha puthujjano duvidho hoti bāhirako sāsāniko ca. Tattha bāhirako kammavādī kammassakatādiṭṭhiyā sammādiṭṭhi hoti, no saccānulomikāya attadiṭṭhiparāmāsakattā. Sāsāniko dvīhipi. Sekkho niyatāya sammādiṭṭhiyā sammādiṭṭhi. Asekkho asekkhāya. Idha pana niyatāya niyyānikāya lokuttarakusalasammādiṭṭhiyā samannāgato “sammādiṭṭhī”ti adhippeto. Tenevāha “ujugatāssa diṭṭhi dhamme aveccappasādena samannāgato āgato imaṃ saddhamma”nti, lokuttarakusalasammādiṭṭhiyeva hi antadvayamanupagamma ujubhāvena gatattā, kāyavaṅkāḍīni ca sabbavaṅkāni samucchinditvā gatattā ujugatā hoti, tāyeva ca diṭṭhiyā samannāgato navappakārepi lokuttaradhamme aveccappasādena acalappasādena samannāgato hoti,

sabbadiṭṭhigahanāni ca vinibbeṭhento sabbakilese pajahanto jātisaṃsārā nikkhamanto paṭipattiṃ pariniṭṭhapento ariyena maggena āgato imaṃ sambuddhappaveditaṃ amatogadhaṃ nibbānasaṅkhātāṃ saddhamanti vuccati.

Yato khoti kālāparicchedavacanametāṃ, yasmim kāleti vuttaṃ hoti. Akusalaṅca pajānātīti dasākusalakammāpathasaṅkhātāṃ akusalaṅca pajānāti, nirodhārammaṇāya pajānanāya kiccavasena “idaṃ dukkha”nti paṭivijjhanto akusalaṃ pajānāti. Akusalamūlaṅca pajānātīti tassa mūlapaccayabhūtaṃ akusalamūlaṅca pajānāti, teneva pakārena “ayaṃ dukkhasamudayo”ti paṭivijjhanto. Esa nayo kusalaṅca kusalamūlaṅcāti etthāpi. Yathā cettha, evaṃ ito paresu sabbavāresu kiccavaseneva vatthupajānanā veditabbā. Ettāvatāpīti ettakena iminā akusalādippajānanenāpi. Sammādiṭṭhi hotīti vuttappakārāya lokuttarasammādiṭṭhiyā samannāgato hoti. Ujugatāssa...pe... imaṃ saddhamanti ettāvatā saṃkhittadesanā niṭṭhitā hoti. Desanāyeva cesā saṃkhittā, tesāṃ pana bhikkhūnaṃ vitthāravaseneva sammāmanasikārappaṭivedho veditabbo.

Dutiyavāre pana desanāpi vitthārena manasikārappaṭivedhopi vitthāreneva vuttoti veditabbo. Tattha “saṃkhittadesanāya dve heṭṭhimamaggā, vitthāradesanāya dve uparimamaggā kathitā”ti bhikkhū āhaṃsu vitthāradesanāvasāne “sabbaso rāgānusayaṃ pahāyā”tiādivacanaṃ sampassamānā. Thero panāha “saṃkhittadesanāyapi cattāro maggā rāsito kathitā, vitthāradesanāyapi”ti. Yā cāyaṃ idha saṃkhittavitthāradesanāsu vicāraṇā āvikatā, sā sabbavāresu idha vuttanayeneva veditabbā. Apubbānuttānapadavaṇṇanāmattameva hi ito paraṃ karissāma.

Akusalakammāpathavaṇṇanā

Tattha paṭhamavārassa tāva vitthāradesanāya “pāṇātipāto kho, āvuso, akusala”ntiādīsu akosallappavattiyā akusalaṃ veditabbaṃ, parato vattabbakusalappaṭipakkhato vā. Taṃ lakkhaṇato sāvajjadukkhavipākaṃ saṃkiliṭṭhaṃ vā. Ayaṃ tāvettha sādharmaṇapadavaṇṇanā.

Asādhāraṇesu pana pāṇassa atipāto pāṇātipāto, pāṇavadho pāṇaghātoti vuttaṃ hoti. Pāṇoti cettha vohārato satto, paramatthato jīvitindriyaṃ. Tasmim pana pāṇe pāṇasaññino jīvitindriyupacchedakaupakkamasamuṭṭhāpikā kāyavacīdvārānaṃ aññataradvārappavattā vadhakacetanā pāṇātipāto. So guṇavirahitesu tiracchānagatādīsu pāṇesu khuddake pāṇe appasāvajjo, mahāsarīre mahāsāvajjo. Kasmā? Payogamahantatāya. Payogasamattepi vatthumahantatāya. Guṇavantesu manussādīsu appaguṇe pāṇe appasāvajjo, mahāguṇe mahāsāvajjo. Sarīraguṇānaṃ pana samabhāve sati kilesānaṃ upakkamaṅca mudutāya appasāvajjo, tibbatāya

mahāsāvajjoti veditabbo. Tassa pañca sambhārā honti pāṇo, pāṇasaññitā, vadhakacittam, upakkamo, tena maraṇanti. Cha payogā sāhatthiko, āṇattiko, nissaggiyo, thāvaro, vijjāmayo, iddhimayoti. Imasmim panettha vitthārīyamāne atipapañco hoti, tasmā naṃ na vitthārayāma, aññañca evarūpaṃ. Atthikehi pana samantapāsādikam vinayaṭṭhakatham (pārā. aṭṭha. 2.172) oloketvā gahetabbo.

Adinnassa ādānam adinnādānam, parassa haraṇam theyyam, corikāti vuttam hoti. Tattha adinnanti parapariggahitam, yattha paro yathākāmakāritam āpajjanto adaṇḍāraho anupavajjo ca hoti. Tasmim pana parapariggahite parapariggahitasaññino tadādāyakaupakkamasamuṭṭhāpikā theyyacetanā adinnādānam. Tam hīne parasantake appasāvajjam, paṇīte mahāsāvajjam. Kasmā? Vatthupaṇītātāya. Vatthusamatte sati guṇādhikānam santake vatthusmim mahāsāvajjam. Tam tam guṇādhikam upādāya tato tato hīnaguṇassa santake vatthusmim appasāvajjam. Tassa pañca sambhārā honti parapariggahitam, parapariggahitasaññitā, theyyacittam, upakkamo, tena haraṇanti. Cha payogā sāhatthikādayova. Te ca kho yathānurūpaṃ theyyāvahāro, pasayhāvahāro, paṭicchannāvahāro, parikappāvahāro, kusāvahāroti imesaṃ avahārānam vasena pavattāti ayamettha saṅkhepo. Vitthāro pana samantapāsādikāyam (pārā. aṭṭha. 1.92) vutto.

Kāmesumicchācāroti ettha pana kāmesūti methunasamācāresu. Micchācāroti ekantanindito lāmakācāro. Lakkhaṇato pana asaddhammādhippāyena kāyadvārappavattā agamanīyaṭṭhānavīttikkamacetanā kāmesumicchācāro.

Tattha agamanīyaṭṭhānam nāma purisānam tāva māturakkhitā, piturakkhitā, mātāpiturakkhitā, bhāturakkhitā, bhaginirakkhitā, ñātirakkhitā, gottarakkhitā, dhammarakkhitā, sārakkhā, saporidaṇḍāti māturakkhitādayo dasa; dhanakkītā, chandavāsini, bhogavāsini, paṭavāsini, odapattakinī, obhaṭacumbaṭā, dāsī ca bhariyā ca, kammakārī ca bhariyā ca, dhajāhatā, muhuttikāti etā ca dhanakkītādayo dasāti vīsati itthiyo. Itthīsu pana dvinnam sārakkhāsaporidaṇḍānam, dasannañca dhanakkītādānanti dvādasannam itthīnam aññe purisā, idaṃ agamanīyaṭṭhānam nāma. So panesa micchācāro sīlādiguṇarahite agamanīyaṭṭhāne appasāvajjo, sīlādiguṇasampanne mahāsāvajjo. Tassa cattāro sambhārā agamanīyavattu, tasmim sevanacittam, sevanapayogo, maggenamaggappaṭipattiadhivāsananti. Eko payogo sāhatthiko eva.

Musāti viṣaṃvādanapurekkhārassa atthabhañjako vacīpayogo kāyapayogo vā. Viṣaṃvādanādhippāyena panassa paraviṣaṃvādanakāyavacīpayogasamuṭṭhāpikā cetanā musāvādo. Aparo nayo musāti abhūtam ataccham vatthu. Vādoti tassa bhūtato tacchato viññāpanam. Lakkhaṇato pana atatham vatthum tathato param

viññāpetukāmassa tathāviññattisamuṭṭhāpikā cetanā musāvādo. So yamattham bhañjati, tassa appatāya appasāvajjo, mahantatāya mahāsāvajjo. Apica gahaṭṭhānam attano santakam adātukāmatāya natthītiādinayappavatto appasāvajjo, sakkhinā hutvā atthabhañjanattham vutto mahāsāvajjo. Pabbajitānam appakampi telam vā sappim vā labhitvā hasādhippāyena “ajja gāme telam nadīmaññe sandatī”ti purāṇakathānayaena pavatto appasāvajjo, aditthamyeva pana ditthantiādinā nayena vadantānam mahāsāvajjo. Tassa cattāro sambhārā honti atatham vatthu, viṣaṃvādanacittam, tajjo vāyāmo, parassa tadatthavijānananti. Eko payogo sāhatthikova. So kāyena vā kāyappaṭibaddhena vā vācāya vā viṣaṃvādakakiriyākaṇe datthabbo. Tāya ce kiriyāya paro tamattham jānāti, ayam kiriyāsamuṭṭhāpikacetanākkhaṇeyeva musāvādakammunā bajjhati.

Pisuṇā vācātiādīsu yāya vācāya yassa tam vācam bhāsati, tassa hadaye attano piyabhāvaṃ parassa ca suññabhāvaṃ karoti, sā pisuṇā vācā. Yāya pana attānampi parampi pharusampi karoti, sā vācā sayampi pharusā neva kaṇṇasukhā na hadayasukhā vā, ayam pharusā vācā. Yena samphaṃ palapati niratthakam, so samphappalāpo. Tesam mūlabhūtā cetanāpi pisuṇāvācādināmameva labhati, sā eva ca idha adhippetāti. Tattha saṃkiliṭṭhacittassa paresam vā bhedaṃ attano piyakamyatāya vā kāyavacīpayogasamuṭṭhāpikā cetanā pisuṇā vācā. Sā yassa bhedaṃ karoti, tassa appaṇatāya appasāvajjā, mahāṇatāya mahāsāvajjā. Tassā cattāro sambhārā bhindītabbo paro, “iti ime nānā bhavissanti vinā bhavissanti”ti bhedapurekkhārātā vā, “ahaṃ piyo bhavissāmi vissāsiko”ti piyakamyatā vā, tajjo vāyāmo, tassa tadatthavijānananti.

Parassa mammacchedakakāyavacīpayogasamuṭṭhāpikā ekantapharusā cetanā pharusā vācā. Tassa āvibhāvattamidaṃ vatthu – eko kira dārako mātuvacanam anādiyitvā araṇṇam gacchati, tam mātā nivattetuṃ asakkontī “caṇḍā tam mahimsī anubandhatū”ti akkosi. Athassa tattheva araṇṇe mahimsī utthāsi. Dārako “yam mama mātā mukhena kathesi tam mā hotu, yam cittaena cintesi tam hotū”ti saccakiriyamakāsi. Mahimsī tattheva baddhā viya atthāsi. Evaṃ mammacchedakopi payogo cittasaṇhatāya pharusā vācā na hoti. Mātāpitāro hi kadāci puttake evampi vadanti “corā vo khaṇḍākhāṇikam karontū”ti, uppalapattampi ca nesam upari patantaṃ na icchanti. Ācariyupajjhāyā ca kadāci nissitake evam vadanti “kiṃ ime ahirikā anottappino caranti niddhamatha ne”ti. Atha kho nesam āgamādhigamasampattiṃ icchanti. Yathā ca cittasaṇhatāya pharusā vācā na hoti, evam vacanasāṇhatāya aphaṇṇasā vācāpi na hoti. Na hi mārāpetukāmassa “imaṃ sukham sayāpethā”ti vacanam aphaṇṇasā vācā hoti. Cittapharusatāya panesā pharusā vācāva. Sā yam sandhāya pavattitā, tassa appaṇatāya appasāvajjā, mahāṇatāya mahāsāvajjā. Tassā tayo sambhārā akkositabbo paro, kupitacittam, akkosanāti.

Anatthaviññāpakakāyavacīpayogasamuṭṭhāpikā akusalacetanā
samphappalāpo. So āsevanamandatāya appasāvajjo, āsevanamahantatāya
mahāsāvajjo. Tassa dve sambhārā
bhāratayuddhasītāharaṇādiniratthakakathāpurekkhāratā, tathārūpīkathākathananti.

Abhijjhāyatīti abhijjhā, parabhaṇḍābhimukhī hutvā tanninnatāya pavattatīti
attho. Sā “aho vata idaṃ mamassā”ti evaṃ parabhaṇḍābhijjhāyanalakkhaṇā.
Adinnādānaṃ viya appasāvajjā ca mahāsāvajjā ca. Tassā dve sambhārā
parabhaṇḍaṃ, attano pariṇāmanaṇca. Parabhaṇḍavatthuke hi lobhe uppannepi na
tāva kammaṭṭhābhedo hoti, yāva “aho vatīdaṃ mamassā”ti attano na pariṇāmeti.

Hitasukhaṃ byāpādayatīti byāpādo. So paravināsāya manopadosalakkhaṇo,
pharusā vācā viya appasāvajjo mahāsāvajjo ca. Tassa dve sambhārā parasatto ca,
tassa ca vināsacintā. Parasattavatthuke hi kodhe uppannepi na tāva
kammaṭṭhābhedo hoti, yāva “aho vatāyaṃ ucchijjeyya vinasseyyā”ti tassa
vināsaṃ na cinteti.

Yathābhuccagahaṇābhāvena micchā passatīti micchādītṭhi. Sā “natthi
dinna”ntiādinā nayena viparītadassanalakkhaṇā. Samphappalāpo viya appasāvajjā
mahāsāvajjā ca. Apica aniyatā appasāvajjā, niyatā mahāsāvajjā. Tassā dve sambhārā
vatthuno ca gahitākāraviparītātā, yathā ca taṃ gaṇhāti, tathābhāvena
tassupaṭṭhānanti.

Imesaṃ pana dasannaṃ akusalakammaṭṭhānaṃ dhammato koṭṭhāsato
ārammaṇato vedanāto mūlatoti pañcahākārehi vinicchayo veditabbo.

Tattha dhammatoti etesu hi paṭipāṭiyā satta, cetanādhammāva honti,
abhijjhādayo tayo cetanāsampayuttā.

Koṭṭhāsatotī paṭipāṭiyā satta, micchādītṭhi cāti ime aṭṭha kammaṭṭhā eva honti,
no mūlāni. Abhijjhābyāpādā kammaṭṭhā ceva mūlāni ca. Abhijjhā hi mūlaṃ patvā
lobho akusalamūlaṃ hoti. Byāpādo doso akusalamūlaṃ.

Ārammaṇatotī paṇātipāto jīvitindriyārammaṇato saṅkhārārammaṇo hoti.
Adinnādānaṃ sattārammaṇaṃ vā saṅkhārārammaṇaṃ vā. Micchācāro
phoṭṭhabbavasena saṅkhārārammaṇo. Sattārammaṇotipi eke. Musāvādo
sattārammaṇo vā saṅkhārārammaṇo vā. Tathā pisuṇā vācā. Pharusā vācā
sattārammaṇāva. Samphappalāpo dītṭhasutamaviññātavasena sattārammaṇo vā
saṅkhārārammaṇo vā, tathā abhijjhā. Byāpādo sattārammaṇova. Micchādītṭhi
tebhūmakadhammavasena saṅkhārārammaṇā.

Vedanātoti pāṇātipāto dukkhavedano hoti. Kiñcāpi hi rājāno coraṃ disvā hasamānāpi “gacchatha naṃ ghāthēhā”ti vadanti, sannitṭhāpakacetanā pana nesam dukkhasampayuttāva hoti. Adinnādānaṃ tivedanaṃ. Micchācāro sukhamajjhattavasena dvivedano, sannitṭhāpakacitte pana majjhattavedano na hoti. Musāvādo tivedano, tathā piṣuṇā vācā. Pharusā vācā dukkhavedanāva. Samphappalāpo tivedano. Abhijjhā sukhamajjhattavasena dvivedanā, tathā micchādītṭhi. Byāpādo dukkhavedano.

Mūlatoti pāṇātipāto dosamohavasena dvimūlako hoti. Adinnādānaṃ dosamohavasena vā lobhamohavasena vā. Micchācāro lobhamohavasena. Musāvādo dosamohavasena vā lobhamohavasena vā, tathā piṣuṇā vācā samphappalāpo ca. Pharusā vācā dosamohavasena. Abhijjhā mohavasena ekamūlā, tathā byāpādo. Micchādītṭhi lobhamohavasena dvimūlāti.

Lobho akusalamūlantiādīsu lubbhātīti lobho. Dussatīti doso. Muyhatīti moho. Tesu lobho sayañca akusalo sāvajjadukkhavipākaṭṭhena, imesañca pāṇātipātādīnaṃ akusalānaṃ kesañci sampayuttappabhāvakaṭṭhena kesañci upanissayapaccayaṭṭhena mūlanti akusalamūlaṃ. Vuttampi cetāṃ “ratto kho āvuso rāgena abhibhūto pariyādinnaṭṭo pāṇampi hanatī”tiādi. Dosamohānaṃ akusalamūlabhāvepi eseva nayo.

Akusalakammaṭṭhavaṇṇanā nitṭhitā.

Kusalakammaṭṭhavaṇṇanā

Pāṇātipātā veramaṇī kusalantiādīsu pāṇātipātādayo vuttatthā eva. Veramaṇātīti veramaṇī, veramaṇ pajahātīti attho. Viramati vā etāya karaṇabhūtāya, vikārassa vekāraṃ katvāpi veramaṇī. Ayaṃ tāvettha byañjanato vaṇṇanā. Atthato pana veramaṇīti kusalacittasampayuttā virati. Yā “pāṇātipātā viramantassa, yā tasmim samaye pāṇātipātā āratī viratī”ti evamaṃ vuttā kusalacittasampayuttā virati, sā bhedato tividho hoti sampattavirati samādānavirati samucchavirati. Tattha asamādinnaṃ sikkhāpadānaṃ attano jātivayabāhusaccādīni paccavekkhitvā “ayuttaṃ amhākaṃ evarūpaṃ kātu”nti sampattavattamaṃ avītikkamantānaṃ uppajjamānā virati sampattavirati veditabbā sīhaḷadīpe cakkanaupāsakassa viya.

Tassa kira daharakāleyeva mātuyā rogo uppajji. Vejjena ca “allasasamaṃsam laddhumaṃ vaṭṭatī”ti vuttaṃ. Tato cakkanaṃ bhātā “gaccha tāta khettaṃ āhiṇḍāhī”ti cakkanaṃ pesesi. So tattha gato. Tasmīna samaye eko saso taruṇasassaṃ khāditumaṃ āgato hoti, so taṃ disvā vegena dhāvento valliyā baddho “kiri kirī”ti saddamakāsi.

Cakkano tena saddena gantvā taṃ gahetvā cintesi “mātu bhesajjaṃ karomī”ti. Puna cintesi “na metam patirūpaṃ, yvāhaṃ mātu jīvitakāraṇā param jīvitā voropeyya”nti. Atha naṃ “gaccha araṇṇe sasehi saddhiṃ tiṇodakaṃ paribhuñjā”ti muñci. Bhātarā ca “kiṃ tāta saso laddho”ti pucchito taṃ pavattiṃ ācikkhi. Tato naṃ bhātā paribhāsi. So mātusantikam gantvā “yatohaṃ jāto, nābhijānāmi sañcicca paṇaṃ jīvitā voropetā”ti saccam vatvā adhiṭṭhāsi. Tāvadevassa mātā arogā ahosi.

Samādinna sikkhāpadānaṃ pana sikkhāpadasamādāne ca tatuttari ca attano jīvitampi pariccajitvā vatthum avītikkamantānaṃ uppajjamānā virati samādānaviratīti veditabbā uttaravaḍḍhamānapabbatavāsīupāsakassa viya.

So kira ambariyavihāravāsīpiṅgalabuddharakkhitattherassa santike sikkhāpadāni gahetvā khettaṃ kassati. Athassa goṇo naṭṭho, so taṃ gavesanto uttaravaḍḍhamānapabbataṃ āruhi, tatra naṃ mahāsappo aggahesi. So cintesi “imāyassa tikhiṇavāsīyā sīsaṃ chindāmī”ti. Puna cintesi “na metam patirūpaṃ, yvāhaṃ bhāvanīyassa garuno santike sikkhāpadaṃ gahetvā bhindeyya”nti. Evaṃ yāvatatīyaṃ cintetvā “jīvitaṃ pariccajāmi, na sikkhāpada”nti aṃse ṭhapitaṃ tikhiṇadaṇḍavāsīyaṃ araṇṇe chaḍḍesi. Tāvadeva naṃ mahāvālo muñcivā agamāsīti.

Ariyamaggasampayuttā pana virati samucchavedaviratīti veditabbā. Yassā uppattito pabhuti “pānaṃ ghātessāmī”ti ariyapuggalānaṃ cittampi na uppajjatīti. Sā panāyaṃ virati kosallappavattiyā kusalanti vuttā. Kucchitasayanato vā kusanti laddhavohāraṃ dussīlyaṃ lunātītipi kusalaṃ. Katamañcāvuso kusalanti imassa pana pañhassa ananurūpattā kusalāti na vuttā.

Yathā ca akusalānaṃ, evaṃ imesampi kusalakammamāpathānaṃ dhammato koṭṭhāsato ārammaṇato vedanāto mūlatoti pañcahākārehi vinicchayo veditabbo.

Tattha dhammatoti etesu hi paṭipāṭiyā satta cetanāpi vaṭṭanti, viratīyopi. Ante tayo cetanāsampayuttāva.

Koṭṭhāsatotī paṭipāṭiyā satta kammamāpathā eva, no mūlāni. Ante tayo kammamāpathā ceva mūlāni ca. Anabhijjhā hi mūlaṃ patvā alobho kusalamūlaṃ hoti. Abyāpādo adoso kusalamūlaṃ. Sammādiṭṭhi amoho kusalamūlaṃ.

Ārammaṇatotī paṇātipātādīnaṃ ārammaṇāneva etesaṃ ārammaṇāni, vītikkamitabbatoyeva hi veramaṇī nāma hoti. Yathā pana nibbānārammaṇo ariyamaggo kilese pajahati, evaṃ jīvitindriyādiārammaṇāpete kammamāpathā paṇātipātādīni dussīlyāni pajahantīti veditabbā.

Vedanātoti sabbe sukhavedanā vā honti, majjhattavedanā vā. Kusalam patvā hi dukkhavedanā nāma natthi.

Mūlatoti paṭipāṭiyā satta kammaṭṭhā ñāṇasampayuttacittena viramantassa alobhaadosaamohavasena timūlā honti. Ñāṇavippayuttacittena viramantassa dvimūlā. Anabhijjhā ñāṇasampayuttacittena viramantassa dvimūlā. Ñāṇavippayuttacittena ekamūlā. Alobho pana attanāva attano mūlaṃ na hoti, abyāpādepi eseva nayo. Sammādiṭṭhi alobhādosavasena dvimūlāvāti.

Alobho kusalamūlantiādīsu na lobhoti alobho, lobhapaṭipakkhassa dhammasetaṃ adhivacanaṃ. Adosāmoheṣu eseva nayo. Tesu alobho sayaṅca kusalam, imesaṅca paṇātipātā veramaṇīdānaṃ kusalaṅca kesaṅci sampayuttappabhāvakaṭṭhena kesaṅci upanissayapaccayaṭṭhena mūlanti kusalamūlaṃ. Adosāmoḥānampi kusalamūlabhāve eseva nayo.

Idāni sabbampi taṃ saṅkhepena ca vitthārena ca desitamattaṃ nigamanto yato kho āvusotiādiappanāvāramāha. Tattha evaṃ akusalam pajānāti evaṃ yathāniditṭhadasaṅkusalakammaṭṭhavasena akusalam pajānāti. Evaṃ akusalamūlantiādīsupi eseva nayo. Ettāvata ekena nayena catusaccakammaṭṭhānikassa yāva arahattā niyyānaṃ kathitaṃ hoti. Kathaṃ? Ettha hi ṭhapetvā abhijjhaṃ dasa akusalaṅkammaṭṭhā ca kusalaṅkammaṭṭhā ca dukkhasaccaṃ. Abhijjhā ca lobho akusalamūlaṅcāti ime dve dhammā nippariyāyena samudayasaccaṃ. Pariyāyena pana sabbepi kammaṭṭhā dukkhasaccaṃ. Sabbāni kusalaṅkusalāmūlāni samudayasaccaṃ. Ubhinnaṃ appavatti nirodhasaccaṃ. Dukkhaṃ parijānanto samudayaṃ pajahamāno nirodhaṃ pajānanto ariyamaggo maggasaccanti iti dve saccāni sarūpena vuttāni, dve āvattahāravasena veditabbāni.

So sabbaso rāgānusayaṃ pahāyāti so evaṃ akusalādīni pajānanto sabbākārena rāgānusayaṃ pajahitvā. Paṭighānusayaṃ paṭivinodetvāti paṭighānusayaṅca sabbākāreneva nīharitvāti vuttaṃ hoti. Ettāvata anāgāmiṃ maggo kathito. Asmīti diṭṭhimānānusayaṃ samūhanitvāti pañcasu khandhesu kaṅci dhammaṃ anavakārikarivā “asmī”ti iminā samūhaggahaṅkārena pavattaṃ diṭṭhimānānusayaṃ samugghāṭetvā.

Tattha diṭṭhimānānusayanti diṭṭhisadisam mānānusayanti vuttaṃ hoti. Ayaṅhi mānānusayo asmīti pavattattā diṭṭhisadiso hoti, tasmā evaṃ vutto. Imaṅca asmimānaṃ vitthārato viññātukāmena khandhiyavagge khemakasuttaṃ (saṃ. ni. 3.89) oloketabbanti.

Avijjam pahāyāti vaṭṭamūlam avijjam pajahitvā. Vijjam uppādetvāti tassā avijjāya samugghāṭikam arahattamaggavijjam uppādetvā. Ettāvatā arahattamaggo kathito. Diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro hotīti asmiṃyeva attabhāve vaṭṭadukkhassa paricchedakaro hoti. Ettāvatāpi kho, āvusoti desanam niyyātetī, imāya kammaṭṭhadesanāya vuttamanasikārapaṭivedhavasenaṭṭhāpīti vuttam hoti. Sesam vuttanayameva. Evaṃ anāgāmiṃmaggaarahattamaggehi desanam niṭṭhapesīti.

Kusalakammaṭṭhadesanā niṭṭhitā.

Āhāravāraṇṇanā

90. Sādhāvusoti kho...pe... āgato imam saddhammanti evam āyasmato sārīputtassa kusalākusalamukhena catusaccadesanam sutvā tam āyasmato sārīputtassa bhāsitaṃ “sādhāvuso”ti iminā vacanena te bhikkhū abhinanditvā imasseva vacanassa samuṭṭhāpakena cittaṇa anumoditvā vacasā sampaṭicchitvā cetasā sampiyāyitvāti vuttam hoti. Idāni yasmā thero nānappakārena catusaccadesanam desetum paṭibalo, yathāha “sārīputto, bhikkhave, pahoti cattāri ariyasaccāni vitthārena ācikkhitum desetū”nti yasmā vā uttarimpi desetukāmo hutvā “ettāvatāpi kho”ti avaca, tasmā aparenapi nayena saccadesanam sotukāmā te bhikkhū āyasmantaṃ sārīputtaṃ uttarim pañham apucchimsu. Tena sayameva pucchitvā vissajjitapañhato uttarim siyā kho panāvuso, aññopi pariyāyo bhavēyya aññampi kāraṇanti iminā nayena aññam atirekam pañham pucchimsu, purimapañhassa vā uparibhāge pucchimsūti vuttam hoti. Atha nesam byākaramāno thero siyā, āvusotiādīmāha. Tatthāyaṃ anuttānapadaṇṇanā, āhāraṇṇanti paccayaṃ. Paccayo hi āhāraṇṇanti attano phalaṃ, tasmā “āhāro”ti vuccati.

Bhūtānaṃ vā sattānaṃtiādīsū bhūtāni sañjātā, nibbattā. Sambhavesīnaṃti ye sambhavaṃ jātīm nibbattīm esanti gavesanti. Tattha catūsū yonīsū aṇḍajajalābujā sattā yāva aṇḍakosaṃ vatthikosaṇca na bhindanti, tāva sambhavesino nāma. Aṇḍakosaṃ vatthikosaṇca bhinditvā bahi nikkhantā bhūtā nāma. Saṃsedajā opapātikā ca paṭhamacittakkhaṇe sambhavesino nāma. Dutiyacittakkhaṇato pabhūti bhūtā nāma. Yena yena vā iriyāpathena jāyanti, yāva te tato aññam na pāpuṇanti, tāva sambhavesino nāma. Tato paraṃ bhūtā nāma.

Atha vā bhūtāni jātā abhinibbattā, ye bhūtāyeva na puna bhavissanti saṅkhyam gacchanti, tesam khīṇāsavānaṃmetam adhivacanaṃ. Sambhavesantīti sambhavesino. Appahīnabhavasamyojanattā āyatimpi sambhavaṃ esantānaṃ sekkhaputhujjanānaṃmetam adhivacanaṃ. Evaṃ sabbathāpi imehi dvīhi padehi sabbasatte pariyādiyati. Vāsaddo cettha sampiṇḍanatto, tasmā bhūtānaṃ sambhavesīnaṃcāti ayamatto veditabbo.

Ṭhitiyāti ṭhitattham. Anuggahāyāti anuggahattham upakārattham. Vacanabhedo cesa, attho pana dvinnampi padānaṃ ekoyeva. Atha vā ṭhitiyāti tassa tassa sattassa uppannadhammānaṃ anuppabandhavasena avicchedāya. Anuggahāyāti anuppannānaṃ uppādāya. Ubhopi cetāni bhūtānaṃ ṭhitiyā ceva anuggahāya ca. Sambhavesīnaṃ vā ṭhitiyā ceva anuggahāya cāti evaṃ ubhayattha daṭṭhabbāni. Kabaḷikāro āhāroti kabaḷaṃ katvā ajjhoharitabbato kabaḷikāro āhāro, odanakummāsādivatthukāya ojāyetaṃ adhivacanaṃ. Oḷāriko vā sukhumo vāti vatthuoḷārikatāya oḷāriko, vatthusukhumatāya sukhumo. Sabhāvena pana sukhumarūpapariyāpannattā kabaḷikāro āhāro sukhumova hoti. Sāpi cassa vatthuto oḷārikatā sukhumatā ca upādāyupādāya veditabbā.

Kumbhīlānañhi āhāraṃ upādāya morānaṃ āhāro sukhumo. Kumbhīlā kira pāsāṇe gilanti. Te ca nesaṃ kucchippattāva vilīyanti. Morā sappavicchikādipāṇe khādanti. Morānaṃ pana āhāraṃ upādāya taracchānaṃ āhāro sukhumo. Te kira tivassachadditāni visāṇāni ceva atṭhīni ca khādanti. Tāni ca nesaṃ kheḷena temitamatteneva kandaṃ vīya mudukāni honti. Taracchānampi āhāraṃ upādāya hatthīnaṃ āhāro sukhumo. Tepi nānārukhasākhāyo khādanti. Hatthīnaṃ āhārato gavayagokaṇṇamigādīnaṃ āhāro sukhumo. Te kira nissārāni nānārukhasapaṇṇādīni khādanti. Tesampi āhārato gunnaṃ āhāro sukhumo. Te allasukkhatīṇāni khādanti. Tesam āhārato sasānaṃ āhāro sukhumo. Sasānaṃ āhārato sakuṇānaṃ āhāro sukhumo. Sakuṇānaṃ āhārato paccantavāsīnaṃ āhāro sukhumo. Paccantavāsīnaṃ āhārato gāmaḥojakānaṃ āhāro sukhumo. Gāmaḥojakānaṃ āhārato rājarājamahāmattānaṃ āhāro sukhumo. Tesampi āhārato cakkavattino āhāro sukhumo. Cakkavattino āhārato bhummadevānaṃ āhāro sukhumo. Bhummadevānaṃ āhārato cātumahārājikānaṃ āhāro sukhumo. Evaṃ yāva paranimmitavasavattīnaṃ āhāro vitthāretabbo, tesam āhāro sukhumotveva niṭṭham patto.

Ettha ca oḷārike vatthusmiṃ ojā parittā hoti dubbalā, sukhume balavatī. Tathā hi ekapattapūrampi yāguṃ pīvato muhutteneva jighacchito hoti, yaṃkañciveva khādītukāmo. Sappiṃ pana pasaṭamattaṃ pivitvā divasaṃ abhottukāmo hoti. Tattha vatthu parissamaṃ vinodeti, na pana sakkoti pāletuṃ. Ojā pāleti, na sakkoti parissamaṃ vinodetuṃ. Dve pana ekato hutvā parissamañceva vinodenti pāleti cāti.

Phasso dutiyoti cakkhusamphassādi chabbidhopi phasso. Etesu catūsu āhāresu dutiyo āhāroti veditabbo. Desanānayo eva cesa. Tasmā iminā nāma kāraṇena dutiyo vā tatiyo vāti idamettha na gavesitabbaṃ. Manosañcetanāti cetanā eva vuccati. Viññānti yaṃkiñci cittam.

Etthāha, yadi paccayaṭṭho āhāraṭṭho, atha kasmā aññesupi sattānaṃ paccayesu vijjamānesu imeyeva cattāro vuttāti? Vuccate, ajjhattikasantatiyā visesapaccayattā. Visesapaccayo hi kabaḷīkārāhārabhakkhānaṃ sattānaṃ rūpakāyassa kabaḷīkāro āhāro. Nāmakāye vedanāya phasso, viññāṇassa manosañcetanā, nāmarūpassa viññāṇaṃ. Yathāha –

“Seyyathāpi, bhikkhave, ayaṃ kāyo āhāraṭṭhitiko, āhāraṃ paṭicca tiṭṭhati, anāhāro no tiṭṭhati. Tathā phassapaccayā vedanā, saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ, viññāṇapaccayā nāmarūpa’nti.

Ko panettha āhāro, kiṃ āharatīti? Kabaḷīkārāhāro ojaṭṭhamakarūpāni āharati. Phassāhāro tisso vedanā, manosañcetanāhāro tayo bhava, viññāṇāhāro paṭisandhināmarūpanti.

Kathaṃ? Kabaḷīkārāhāro tāva mukhe ṭhapitamattoyeva aṭṭha rūpāni samuṭṭhāpeti. Dantavicuṇṇitaṃ pana ajjhohariyamānaṃ ekekaṃ sitthaṃ aṭṭhaṭṭha rūpāni samuṭṭhāpetiyeva. Evaṃ ojaṭṭhamakarūpāni āharati.

Phassāhāro pana sukhavedaniyo phasso uppajjamāno sukhavedanaṃ āharati, tathā dukkhavedaniyo dukkhaṃ, adukkhamasukhavedaniyo adukkhamasukhanti evaṃ sabbathāpi phassāhāro tisso vedanā āharati.

Manosañcetanāhāro kāmabhavūpagaṃ kammaṃ kāmabhavaṃ āharati, rūpārūpabhavūpagaṃ taṃ taṃ bhavaṃ. Evaṃ sabbathāpi manosañcetanāhāro tayo bhava āharati.

Viññāṇāhāro pana ye ca paṭisandhikkhaṇe taṃsampayuttakā tayo khandhā, yāni ca tisantativasena tiṃsarūpāni uppajjanti, sahaṃjātādipaccayanayena tāni āharatīti vuccati. Evaṃ viññāṇāhāro paṭisandhināmarūpaṃ āharatīti.

Ettha ca manosañcetanāhāro tayo bhava āharatīti sāsavā kusalākusalacetanāva vuttā. Viññāṇaṃ paṭisandhināmarūpaṃ āharatīti paṭisandhiviññāṇameva vuttaṃ. Avisesena pana taṃsampayuttataṃsamuṭṭhānadhammānaṃ āharaṇato pete āharatīti veditabbā.

Etesu catūsu āhāresu kabaḷīkārāhāro upatthambhento āhāraḥkiccaṃ sādheti. Phasso phusantoyeva, manosañcetanā āyūhamānāva. Viññāṇaṃ vijānantameva.

Kathaṃ? Kabaḷīkārāhāro hi upatthambhentoyeva kāyaṭṭhapanena sattānaṃ ṭhitiyā hoti. Kammajanitopi hi ayaṃ kāyo kabaḷīkārāhārena upatthambhito dasapi vassāni vassasatampi yāva āyuparimāṇaṃ tiṭṭhati. Yathā kiṃ? Yathā mātuyā janitopi

dārako dhātiyā thaññādīni pāyevā posiyamānova ciraṃ tiṭṭhati, yathā cupatthambhena upatthambhitagehaṃ. Vuttampi cetam –

“Yathā mahārāja gehe patante aññena dārunā upatthambhenti, aññena dārunā upatthambhitam santam evam tam geham na patati, evameva kho mahārāja ayam kāyo āhāratṭhitiko, āhāram paṭicca tiṭṭhati”’ti.

Evam kabaḷikāro āhāro upatthambhento āhārakiccaṃ sādheti. Evam sādhentopi ca kabaḷikāro āhāro dvinnam rūpasantaṭīnam paccayo hoti āhārasamuṭṭhānassa ca upādinnassa ca. Kammajānam anupālako hutvā paccayo hoti. Āhārasamuṭṭhānānam janako hutvā paccayo hoti.

Phasso pana sukhādivatthubhūtam ārammaṇam phusantoyeva sukhādivedanāpavattanena sattānam ṭhitiyā hoti. Manosañcetanā kusalākusalakammavasena āyūhamānāyeva bhavamūlanipphādanato sattānam ṭhitiyā hoti. Viññānam vijānantameva nāmarūpappavattanena sattānam ṭhitiyā hoti.

Evam upatthambhanādivasena āhārakiccaṃ sādhamānesu panetesu cattāri bhayāni datṭhabbāni. Seyyathidaṃ, kabaḷikārāhāre nikantiyeva bhayaṃ, phasse upagamanameva, manosañcetanāya āyūhanameva, viññāne abhinipātoyeva bhayanti. Kiṃ kāraṇā? Kabaḷikārāhāre hi nikantiṃ katvā sītādīnam purekkhatā sattā āhāratṭhāya muddāgaṇanādikammāni karontā anappakaṃ dukkhaṃ nigacchanti. Ekacce ca imasmim sāsane pabbajitvāpi vejjakammādikāya anesanāya āhāram pariyesantā diṭṭhepi dhamme gārayhā honti. Samparāyepi tassa saṅghāṭīpi ādittā sampajjalitātiādīnā lakkhaṇasaṃyutte vuttanayena samaṇapetā honti. Imināva tāva kāraṇena kabaḷikārāhāre nikantiyeva bhayanti veditabbā.

Phassaṃ upagacchantāpi phassassādino paresaṃ rakkhitagopitesu dārādīsu bhaṇḍesu aparajjhanti. Te saha bhaṇḍena bhaṇḍasāmikā gahetvā khaṇḍākhaṇḍikaṃ vā chinditvā saṅkarakūṭesu chaḍḍenti. Rañño vā niyyātentī. Tato ne rājā vividhā kammakāraṇā kārāpeti. Kāyassa ca bhedaṃ duggati nesaṃ pāṭikaṅkhā hoti. Iti phassassādamūlakam diṭṭhadhammikampi samparāyikampi bhayaṃ sabbamāgatameva hoti. Iminā kāraṇena phassāhāre upagamanameva bhayanti veditabbam.

Kusalākusalakammāyūhaneneva pana tammūlakam tīsu bhavesu bhayaṃ sabbamāgataṃyeva hoti. Iminā kāraṇena manosañcetanāhāre āyūhanameva bhayanti veditabbam.

Paṭisandhiviññāṇaṅca yasmim yasmim ṭhāne abhinipatati, tasmim tasmim ṭhāne paṭisandhināmarūpaṃ gahetvāva nibbattati, tasmiṅca nibbatte sabbabhayāni

nibbattāniyeva honti, tammūlakattāti, iminā kāraṇena viññāṇāhāre abhinipātoyeva bhayanti veditabbo.

Evam sabhayesu pana imesu āhāresu sammāsambuddho kabaḷikārāhāre nikantipariyādānattham “seyyathāpi, bhikkhave, dve jāyampatikā”tiādinā (sam. ni. 2.63) nayena puttamaṃsūpamaṃ desesi. Phassāhāre nikantipariyādānattham “seyyathāpi, bhikkhave, gāvī niccammā”tiādinā nayena niccammagāvūpamaṃ desesi. Manosañcetanāhāre nikantipariyādānattham “seyyathāpi, bhikkhave, aṅgārakāsū”tiādinā nayena aṅgārakāsūpamaṃ desesi. Viññāṇāhāre nikantipariyādānattham “seyyathāpi, bhikkhave, coramaṃ āgucāri”ntiādinā nayena sattisatāhatūpamaṃ desesi.

Tatrāyaṃ bhūtamattham katvā saṅkhepato atthayojanā, dve kira jāyampatikā puttamaṃ gahetvā parittena pātheyyena yojanasatikamaṃ kantāramaggamaṃ paṭipajjimsu. Tesamaṃ paññāsa yojanāni gantvā pātheyyamaṃ niṭṭhāsi. Te khuppiāsaturā virācchāyāyamaṃ nisīdimsu. Tato puriso bhariyamaṃ āha “bhadde ito samantā paññāsa yojanāni gāmo vā nigamo vā natthi, tasmā yaṃ taṃ purisena kātabbamaṃ bahumpi kasigorakkhādikammaṃ, na dāni sakkā taṃ mayā kātumaṃ, ehi maṃ māretvā upaḍḍhamamaṃsaṃ khāditvā upaḍḍhamaṃ pātheyyamaṃ katvā puttana saddhimaṃ kantāram nittharāhī”ti. Sāpi āha “sāmi mayā dāni yaṃ taṃ itthiyā kātabbamaṃ bahumpi suttakantaṇādikammaṃ, taṃ kātumaṃ na sakkā, ehi maṃ māretvā upaḍḍhamamaṃsaṃ khāditvā upaḍḍhamaṃ pātheyyamaṃ katvā puttana saddhimaṃ kantāram nittharāhī”ti. Tato so taṃ āha “bhadde mātugāmaṃmaraṇena dvinnamaṃ maraṇamaṃ paññāyati. Na hi mando kumāro mātaram vinā jīvituṃ sakkoti. Yadi pana mayamaṃ jīvāma, puna dāraṃ labheyyāma, handa dāni puttamaṃ māretvā maṃsaṃ gahetvā kantāram nittharāmaṃ”ti.

Tato mātā puttamaṃ āha “tāta pitu santikamaṃ gacchāhī”ti. So agamāsi. Athassa pitā “mayā puttamaṃ posessāmīti kasigorakkhādīhi anappakamaṃ dukkhamanubhūtaṃ, na sakkomi puttamaṃ māretumaṃ, tvamaṃyeva tava puttamaṃ mārehī”ti vatvā “tāta mātusantikameva gacchāhī”ti āha. So agamāsi. Athassa mātāpi “mayā puttamaṃ patthentiyā govatakukkuravatadevatāyācanādīhipi tāva anappakamaṃ dukkhamanubhūtaṃ, ko pana vādo kucchinā pariharantiyā? Na sakkāhamaṃ puttamaṃ māretu”nti vatvā “tāta pitusantikamaṃyeva gacchāhī”ti āha. Evamaṃ so dvinnamaṃ antarā gacchantoyeva mato. Te taṃ disvā paridevitvā pubbe vuttanayeneva maṃsāni gahetvā khādantā pakkamimsu. Tesamaṃ so puttamaṃsāhāro navahi kāraṇehi paṭikulattā neva davāya hoti, na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya, kevalamaṃ kantāranittharaṇatthāyeva hoti.

Katamehi navahi kāraṇehi paṭikūloti ce? Sajātimamaṣsatāya ñātimamaṣsatāya puttamaṣsatāya piyaputtamaṣsatāya taruṇamaṣsatāya āmakamaṣsatāya agorasamaṣsatāya aloṇatāya adhūpitaṭāyāti. Tasmā yo bhikkhu kabaḷikārāhāraṃ evaṃ puttamaṣsadisaṃ passati, so tattha nikantiṃ pariyādiyati. Ayaṃ tāva puttamaṣsūpamāyaṃ atthayojanā.

Niccammagāvūpamāyaṃ pana yathā sā gāvī gīvato yāva khurā, tāva cammaṃ uddāletvā muttā yaṃ yadeva nissāya tiṭṭhati, tattha pāṇakehi khajjamānā dukkhassevādhikaraṇaṃ hoti, evaṃ phassopi yaṃ yadeva vatthūṃ ārammaṇaṃ vā nissāya tiṭṭhati, taṃtaṃvatthārammaṇasambhavassa vedayitadukkhassa adhikaraṇameva hoti. Tasmā yo bhikkhu phassāhāraṃ evaṃ niccammagāvisadisaṃ passati, so tattha nikantiṃ pariyādiyati, ayaṃ niccammagāvūpamāyaṃ atthayojanā.

Aṅgārakāsūpamāyaṃ pana yathā sā aṅgārakāsu, evaṃ mahāpariḷhatṭhena tayo bhavā. Yathā nānābhāsu gahetvā tattha upakaḍḍhakā dve purisā, evaṃ bhavesu upakaḍḍhanatṭhena manosañcetanā. Tasmā yo bhikkhu manosañcetanāhāraṃ evaṃ aṅgārakāsūpakāḍḍhakaṃ purisasadisaṃ passati, so tattha nikantiṃ pariyādiyati, ayaṃ aṅgārakāsūpamāyaṃ atthayojanā.

Sattisatāhatūpamāyaṃ pana yena so puriso pubbaṇhasamaye sattisatena haññati, tamassa sarīre vaṇamukhasataṃ katvā antarā atṭhatvā vinivijjhivā aparabhāgeyeva patati, evaṃ itarāni dve sattisatāni, evamassa patitokāse apatitvā apatitvā gatāhi sattīhi sabbasarīraṃ chiddāvachiddameva hoti, tassa ekavaṇamukhepi uppanna dukkhassa pamāṇaṃ natthi, ko pana vādo tīsu vaṇamukhasatesu? Tattha sattinipātakālo viya paṭisandhiviññāṇanibbattakālo. Vaṇamukhajananaṃ viya khandhajananaṃ. Vaṇamukhesu dukkhavedanuppādo viya jātesu khandhesu vaṭṭamūlakanānāvīhadukkhuppādo. Aparo nayo, āgucārī puriso viya paṭisandhiviññāṇaṃ. Tassa sattighātehi uppannavāṇamukhāni viya viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ. Vaṇamukhapaccayā tassa purisassa kakkhaḷadukkhuppādo viya nāmarūpapaccayā viññāṇassa dvattiṃsakammakāraṇaṭṭhanavutirogādivasena nānappakāradukkhuppādo daṭṭhabbo. Tasmā yo bhikkhu viññāṇāhāraṃ evaṃ sattisatāhataṣadisaṃ passati. So tattha nikantiṃ pariyādiyati, ayaṃ sattisatāhatūpamāyaṃ atthayojanā.

So evaṃ imesu āhāresu nikantiṃ pariyādiyanto cattāropi āhāre parijānāti, yesu pariññātesu sabbampi pariññātaṃ vatthu pariññātameva hoti. Vuttañhetam bhagavatā –

“Kabaḷikāre, bhikkhave, āhāre pariññāte pañcakāmaguṇiko rāgo pariññāto hoti. Pañcakāmaguṇike rāge pariññāte natthi taṃ saṃyojanaṃ, yena saṃyojanena saṃyutto ariyasāvako puna imaṃ lokaṃ āgaccheyya. Phasse, bhikkhave, āhāre pariññāte tisso vedanā pariññātā honti. Tīsu vedanāsu pariññātāsu ariyasāvakassa

natthi kiñci uttarikaraṇīyanti vadāmi. Manosañcetanāya, bhikkhave, āhāre pariññāte tisso taṇhā pariññātā honti. Tīsu taṇhāsu pariññātāsu ariyasāvakassa natthi kiñci uttarikaraṇīyanti vadāmi. Viññāṇe, bhikkhave, āhāre pariññāte nāmarūpaṃ pariññātaṃ hoti. Nāmarūpe pariññāte ariyasāvakassa natthi kiñci uttarikaraṇīyanti vadāmī’’ti (saṃ. ni. 2.63).

Taṇhāsamudayā āhārasamudayoti purimataṇhāsamudayā paṭisandhikānaṃ āhārānaṃ samudayo nibbatto hotīti attho. Kathaṃ? Paṭisandhikkhaṇe hi tisantativasena uppannasamatimsarūpabbhantare jātā ojā atthi. Ayaṃ taṇhāpaccayā nibbatto upādinnakakabaḷikārāhāro. Paṭisandhicittasampayuttā pana phassacetanā sayañca cittaṃ viññāṇanti ime taṇhāpaccayā nibbattā upādinnakaphassamanosañcetanā viññāṇāhārāti. Evaṃ tāva purimataṇhāsamudayā paṭisandhikānaṃ āhārānaṃ samudayo veditabbo. Yasmā panidha upādinnakāpi anupādinnakāpi āhārā missetvā kathitā, tasmā anupādinnakānampi evaṃ taṇhāsamudayā āhārasamudayo veditabbo. Atthalobhasahagatacittasamuṭṭhitesu hi rūpesu ojā atthi, ayaṃ sahaṃjātataṇhāpaccayā nibbatto anupādinnakakabaḷikārāhāro. Lobhasahagatacittasampayuttā pana phassacetanā sayañca cittaṃ viññāṇanti ime taṇhāpaccayā nibbattā anupādinnakaphassamanosañcetanā viññāṇāhārāti.

Taṇhānirodhā āhāranirodhoti imissā upādinnakānañca anupādinnakānañca āhārānaṃ paccayabhūtāya taṇhāya nirodhena āhāranirodho paññāyati. Sesam vuttanayameva. Ayaṃ pana viseso, idha cattāripi saccāni sarūpeneva vuttāni. Yathā ca idha, evaṃ ito uttarimpi sabbavāresūti. Tasmā sabbattha asammuyhantena saccāni uddharitabbāni. Sabbavāresu ca “ettāvāpī kho āvuso’’ti idaṃ desanāniyyātanaṃ tattha tattha desitadhammasena yojetabbaṃ. Tassa idha tāva ayaṃ yojanā ettāvāpīti imāya āhāradesanāya vuttamanasikārappaṭivedhavasenāpīti vuttaṃ hoti. Esa nayo sabbatthāpi.

Āhāravāraṇṇanā niṭṭhitā.

Saccavāraṇṇanā

91. Idāni “sādhāvuso’’ti purimanayeneva therassa bhāsitaṃ abhinanditvā anumoditvā te bhikkhū uttarimpi pañhaṃ pucchimsu. Thero ca nesam aññenapi pariyāyena byākāsi. Esa nayo ito paresupi sabbavāresu. Tasmā ito paraṃ evarūpāni vacanāni anāmasitvā yena yena pariyāyena byākaroti, tassa tasseva atthaṃ vaṇṇayissāma. Imassa pana vārassa saṅkhepadesanāyaṃ dukkhañca pajānātīti ettha dukkhanti dukkhasaccaṃ. Vitthāradesanāyaṃ pana yaṃ vattabbaṃ siyā, taṃ sabbam visuddhimagge saccaniddese vuttamevāti.

Saccavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Jarāmarañavāraṇṇanā

92. Ito param paṭiccasamuppādasena desanā hoti. Tattha jarāmarañavāre tāva tesam tesanti ayam saṅkhepato anekesam sattānaṃ sādharmaṇaniddesoti ñātabbo. Yā devadattassa jarā, yā somadattassa jarāti evañhi divasampi kathentassa neva sattā pariyādānaṃ gacchanti. Imehi pana dvīhi padehi na koci satto apariyādinno hoti. Tasmā vuttaṃ “ayam saṅkhepato anekesam sattānaṃ sādharmaṇaniddeso”ti.

Tamhi tamhīti ayam gatijātivasena anekesam nikāyānaṃ sādharmaṇaniddeso. Sattanikāyeti sādharmaṇaniddesena niddiṭṭhassa sarūpanidassanaṃ. Jarā jīraṇatātiādīsu pana jarāti sabhāvaniddeso. Jīraṇatāti ākāraniddeso. Khaṇḍiccantiādayo kālātikame kiccaniddesā. Pacchimā dve pakatiniddesā. Ayañhi jarāti iminā padena sabhāvato dīpitā, tenassāyaṃ sabhāvaniddeso. Jīraṇatāti iminā ākārato. Tenassāyaṃ ākāraniddeso. Khaṇḍiccanti iminā kālātikame dantanakhānaṃ khaṇḍitabhāvakarāṇakiccato. Pāliccanti iminā kesalomānaṃ palitabhāvakarāṇakiccato. Valittacatāti iminā maṃsaṃ milāpetvā tace valittabhāvakarāṇakiccato dīpitā. Tenassā ime khaṇḍiccantiādayo tayo kālātikame kiccaniddesā. Tehi imesaṃ vikāraṇaṃ dassanavasena pākāṭibhūtā pākāṭajarā dassitā. Yatheva hi udakassa vā aggino vā vātassa vā tiṇarukkhādīnaṃ sambhaggapalibhaggatāya vā jhāmatāya vā gatamaggo pākāṭo hoti, na ca so gatamaggo tāneva udakādīni, evameva jarāya dantādīsu khaṇḍiccādivasena gatamaggo pākāṭo, cakkhuṃ ummīletvāpi gayhati. Na ca khaṇḍiccādīneva jarā, na hi jarā cakkhuviññeyyā hoti.

Āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripākoti imehi pana padehi kālātikameyeva abhiyattatāya āyukkhayacakkhādīndriyaparipākasaññitāya pakatiyā dīpitā. Tenassime pacchimā dve pakatiniddesāti veditabbā.

Tattha yasmā jaraṃ pattassa āyu hāyati, tasmā jarā “āyuno saṃhāni”ti phalūpacārena vuttā. Yasmā ca daharakāle suppasannāni sukhumampi attano visayaṃ sukheveva gaṇhanasamatthāni cakkhādīni indriyāni jaraṃ pattassa paripakkāni āluṭitāni avisadāni oḷārikampi attano visayaṃ gahetuṃ asamatthāni honti, tasmā “indriyānaṃ paripāko”tipi phalūpacāreneva vuttā. Sā panāyaṃ evaṃ niddiṭṭhā sabbāpi jarā pākāṭā paṭicchannāti duvidhā hoti.

Tattha dantādīsu khaṇḍabhāvādidassanato rūpadhammesu jarā pākāṭajarā nāma. Arūpadhammesu pana tādisassa vikārassa adassanato paṭicchannajarā nāma. Tattha yvāyaṃ khaṇḍādibhāvo dissati, so tādisānaṃ dantādīnaṃ suviññeyyattā

vaṇṇoyeva, taṃ cakkhunā disvā manodvārena cintetvā “ime dantā jarāya pahaṭā”ti jaraṃ jānāti udakaṭṭhāne baddhāni gosīsādīni oloketvā heṭṭhā udakassa atthibhāvaṃ jānaṃ viya. Puna avīci savīcīti evampi duvidhā hoti. Tattha maṇikanakarajatapavālasūriyādīnaṃ mandadasakādīsu pāṇīnaṃ viya pupphaphalapallavādīsu ca apāṇīnaṃ viya antarantarā vaṇṇavisesādīnaṃ duviññeyyattā jarā avīcijarā nāma, nirantarajarāti attho. Tato aññesu pana yathāvuttesu antarantarā vaṇṇavisesādīnaṃ suviññeyyattā jarā savīcijarā nāmāti veditabbā.

Ito paraṃ, tesam tesantiādi vuttanayeneva veditabbaṃ. Cuti cavanatātiādīsu pana cutīti cavanakavasena vuccati, ekacatupañcakkhandhānaṃ sāmāññavacanametam. Cavanatāti bhāvavacanena lakkhaṇanidassanaṃ. Bhedoti cutikkhandhānaṃ bhaṅgupattiparidīpanaṃ. Antaradhānanti ghaṭasseva bhinnassa bhinnānaṃ cutikkhandhānaṃ yena kenaci pariyāyena ṭhānābhāvaparidīpanaṃ. Maccu maraṇanti maccusañkhātaṃ maraṇaṃ. Tena samucchadamaraṇādīni nisedheti. Kālo nāma antako, tassa kiriyāti kālakiriyā. Etena lokasammutiyā maraṇaṃ dīpeti.

Idāni paramatthena dīpetuṃ, khandhānaṃ bhedotiādīmāha. Paramatthena hi khandhāyeva bhijjanti, na satto nāma koci marati. Khandhesu pana bhijjamānesu satto marati, bhinnesu matoti vohāro hoti.

Ettha ca catuvokāravasena khandhānaṃ bhedo, ekavokāravasena kaḷavarassa nikkhepo. Catuvokāravasena vā khandhānaṃ bhedo, sesadvayavasena kaḷavarassa nikkhepo veditabbo. Kasmā? Bhavadvayepi rūpakāyasañkhātassa kaḷavarassa sambhavato. Atha vā yasmā ca cātumahārājikādīsu khandhā bhijjanteva, na kiñci nikkhipanti, tasmā tesam vasena khandhānaṃ bhedo, manussādīsu kaḷavarassa nikkhepo. Ettha ca kaḷavarassa nikkhepakāraṇato maraṇaṃ kaḷavarassa nikkhepoti vuttanti evamattho daṭṭhabbo.

Iti ayañca jarā idañca maraṇaṃ. Idaṃ vuccatāvusoti idaṃ ubhayampi ekato katvā jarāmarāṇanti kathīyati. Sesam vuttanayamevāti.

Jarāmarāṇavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Jātivāraṇṇanā

93. Jātivāre jāti sañjātītiādīsu jāyanatṭhena jāti, sā aparipuṇṇāyatanavasena yuttā. Sañjāyanatṭhena sañjāti, sā paripuṇṇāyatanavasena yuttā. Okkamanatṭhena okkanti, sā aṇḍajajalābujavasena yuttā. Te hi aṇḍakosañca vatthikosañca okkamantā

pavisantā viya paṭisandhiṃ gaṇhanti. Abhinibbattanatṭhena abhinibbatti, sā saṃsedajaopapātikavasena yuttā, te hi pākaṭāyeva hutvā nibbattanti. Ayaṃ tāva vohāradesanā.

Idāni paramatthadesanā hoti. Khandhāyeva hi paramatthato pātubhavanti, na satto. Tattha ca khandhānanti ekavokārabhave ekassa catuvokārabhave catunnaṃ pañcavokārabhave pañcannampi gahaṇaṃ veditabbaṃ. Pātubhāvoti uppatti. Āyatanānanti ettha tatra tatra uppajjamānāyatanavaseneva saṅgaho veditabbo. Paṭilābhoti santatiyaṃ pātubhāvoyeva. Pātubhavantāneva hi tāni paṭiladdhāni nāma honti. Ayaṃ vuccatāvuso jāṭīti iminā padena vohārato paramatthato ca desitāya jāṭiyā nigamaṇaṃ karotīti. Bhavasamudayāti ettha pana jāṭiyā paccayabhūto kammabhavo veditabbo. Sesāṃ vuttanayamevāti.

Jātivāraṇṇanā niṭṭhitā.

Bhavavāraṇṇanā

94. Bhavavāre kāmabhavoti kammabhavo ca upapattibhavo ca. Tattha kammabhavo nāma kāmabhavūpagaṃ kammameva. Tañhi upapattibhavassa kāraṇattā “sukho buddhānamuppādo (dha. pa. 194) dukkho pāpassa uccayo”tiādīni (dha. pa. 117) viya phalavohārena bhavoti vuttaṃ. Upapattibhavo nāma tena kammena nibbattaṃ upādinnakhandhapañcakaṃ. Tañhi tattha bhavatīti katvā bhavoti vuttaṃ. Evaṃ sabbathāpi idaṃ kammañca upapatti ca ubhayampetaṃ midha “kāmabhavo”ti vuttaṃ. Esa nayo rūpārūpabhavesu. Upādānasamudayāti ettha pana upādānaṃ kusalakammabhavassa upanissayavaseneva paccayo hoti. Akusalakammabhavassa upanissayavasenapi saḥajāṭādivasenapi. Upapattibhavassa pana sabbassāpi upanissayavaseneva. Sesāṃ vuttanayamevāti.

Bhavavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Upādānavāraṇṇanā

95. Upādānavāre kāmupādānantiādīsu vatthukāmaṃ upādiyati etena, sayāṃ vā taṃ upādiyati kāmupādānaṃ. Kāmo ca so upādānañcāti vā kāmupādānaṃ. Upādānanti daḷhaggahaṇaṃ vuccati. Daḷhattho hi ettha upasaddo, “upāyāsa upakattā”tiādīsu viya pañcakāmaguṇikarāgassetāṃ adhivacanaṃ. Ayamettha saṅkhepo. Vitthārato panetaṃ “tattha katamaṃ kāmupādānaṃ, yo kāmesu kāmaccando”ti (dha. sa. 1220; vibha. 938) vuttanayena veditabbaṃ.

Tathā diṭṭhi ca sā upādānañcāti diṭṭhupādānaṃ. Atha vā diṭṭhiṃ upādiyati, upādiyanti vā etena diṭṭhinti diṭṭhupādānaṃ. Upādiyati hi purimadiṭṭhiṃ uttaradiṭṭhi. Upādiyanti ca tāya diṭṭhiṃ. Yathāha “sassato attā ca loko ca, idameva saccam moghamañña”ntiādi (ma. ni. 3.27), sīlabbatupādānaattavādupādānavajjassa sabbadiṭṭhigatassetam adhivacanaṃ. Ayamettha saṅkhepo. Vitthārato panetaṃ “tatha katamaṃ diṭṭhupādānaṃ natthi dinna”nti (dha. sa. 1220; vibha. 938) vuttanayena veditabbaṃ.

Tathā sīlabbatam upādiyanti etena, sayam vā tam upādiyati, sīlabbatañca tam upādānañcāti vā sīlabbatupādānaṃ. Gosīlagovatādīni hi evaṃ suddhīti abhinivesato sayameva upādānāni ayamettha saṅkhepo. Vitthārato panetaṃ “tatha katamaṃ sīlabbatupādānaṃ, ito bahiddhā samaṇabrāhmaṇānaṃ sīlena suddhī”ti vuttanayena veditabbaṃ.

Idāni vadanti etenāti vādo. Upādiyanti etenāti upādānaṃ. Kim vadanti, upādiyanti vā? Attānaṃ. Attano vādupādānaṃ attavādupādānaṃ. Attavādamattameva vā attāti upādiyati etenāti attavādupādānaṃ, vīsativatthukāya sakkāyadiṭṭhiyā etaṃ adhivacanaṃ. Ayamettha saṅkhepo. Vitthārato panetaṃ “tatha katamaṃ attavādupādānaṃ, idha assutavā puthujjano ariyānaṃ adassāvī”ti (dha. sa. 1223) vuttanayena veditabbaṃ.

Taṇhāsamudayāti ettha taṇhā kāmupādānassa upanissayavasena anantarasamanantaranatthivigatāsevanavasena vā paccayo. Avasesānaṃ pana sahaṇṭādivasenāpi. Sesam vuttanayamevāti.

Upādānavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Taṇhāvāraṇṇanā

96. Taṇhāvāre rūpataṇhā...pe... dhammataṇhāti evaṃ cakkhudvārādīsu javanavīthiyam pavattāya taṇhāya “setṭhiputto brāhmaṇaputto”ti evamādīsu pitito nāmaṃ viya pītisadisārammaṇato nāmaṃ. Ettha ca rūpārammaṇā taṇhā, rūpe taṇhāti rūpataṇhā. Sā kāmarāgabhāvena rūpaṃ assādentī pavattamānā kāmataṇhā. Sassatadiṭṭhisahagatarāgabhāvena rūpaṃ niccaṃ dhuvam sassatanti evaṃ assādentī pavattamānā bhavataṇhā. Uchedadiṭṭhisahagatarāgabhāvena rūpaṃ ucchijjati vinassati pecca na bhavissatīti evaṃ assādentī pavattamānā vibhavataṇhāti evaṃ tividhā hoti. Yathā ca rūpataṇhā, tathā saddataṇhādayopīti etāni aṭṭhārasa taṇhāvīcaritāni honti. Tāni ajjhatarūpādīsu aṭṭhārasa, bahiddhārūpādīsu aṭṭhārasāti chattimsa. Iti atītāni chattimsa, anāgatāni chattimsa, paccuppannāni chattimsāti aṭṭhasatam. “Ajjhattikassupādāya ‘asmī’ti hoti, ‘itthasmī’ti hoti”ti (vibha. 973-974)

vā evamādīnā ajjhattikarūpādinissitāni aṭṭhārasa, “bāhirassupādāya ‘iminā asmī’ti hoti, ‘iminā itthasmī’ti hotī’ti vā (vibha. 975) evamādīnā bāhirarūpādinissitāni aṭṭhārasāti chattimsa. Iti aṭṭhārasāni chattimsa, anāgatāni chattimsa, paccuppannāni chattimsāti evampi aṭṭhasatataṇhāvicaritāni honti. Puna saṅgahe karīyamāne rūpādīsu ārammaṇesu chaḷeva taṇhākāyā tissoyeva kāmataṇhādayo hontīti evaṃ –

Niddesatthena niddesa-vitthārā vitthārassa ca;
Puna saṅgahato taṇhā, viññātabbā vibhāvināti.

Vedanāsamudayāti ettha pana vedanāti vipākavedanā adhippetā. Sā katham chasu dvāresu taṇhāya paccayo hotīti ce? Assādanīyato. Sukhāya hi vedanāya assādanena sattā vedanaṃ mamāyantā vedanāya taṇhaṃ uppādetvā vedanārāgarattā hutvā cakkhudvāre iṭṭhameva rūpaṃ patthenti, laddhā ca naṃ assādentī, ārammaṇadāyakaṇaṇca cittakārādīnaṃ sakkāraṃ karonti. Tathā sotadvārādīsu iṭṭhe ca saddādayo patthenti, laddhā ca ne assādentī, ārammaṇadāyakaṇaṇca viñāvādakagandhikasūda-tantavāya-nānāvidhasippasandassakādīnaṃ sakkāraṃ karonti. Yathā kiṃ? Yathā puttasiṇehena puttaṃ mamāyantā dhātiyā sakkāraṃ karonti, sappāyasappikhīrādīniyeva naṃ pāyenti ceva bhojenti ca. Sesam vuttanayameva.

Taṇhāvāraṇṇanā nitṭhitā.

Vedanāvāraṇṇanā

97. Vedanāvāre vedanākāyāti vedanāsamūhā. Cakkhusamphassajā vedanā...pe... manosamphassajā vedanāti etaṃ “cakkhusamphassajā vedanā atthi kusalā, atthi akusalā, atthi abyākatā”ti (vibha. 34) evaṃ vibhaṅge āgatattā cakkhudvārādīsu pavattānaṃ kusalākusalābyākatavedanānaṃ “sāriputto, mantāṇiputto”ti evamādīsu mātito nāmaṃ viya mātisadisavattuto nāmaṃ. Vacanattho panettha cakkhusamphassahetu jātā vedanā cakkhusamphassajā vedanāti. Esa nayo sabbattha. Ayaṃ tāvettha sabbasaṅgāhikakathā. Vipākavasena pana cakkhudvāre dve cakkhuviññāṇāni, dve manodhātuyo, tisso manoviññāṇadhātuyoti etāhi sampayuttavasena vedanā veditabbā. Esa nayo sotadvārādīsu. Manodvāre manoviññāṇadhātusampayuttāva.

Phassasamudayāti ettha pana pañcadvāre pañcavattukavedanānaṃ saḥajātacakkhusamphassādisamudayā samudayo hoti. Avasesānaṃ cakkhusamphassādayo upanissayādivasena paccayā. Manodvāre tadārammaṇavedanānaṃ advārikāṇaṇca paṭisandhibhavaṅgacutivedanānaṃ saḥajātamanosamphassasamudayā samudayo hotīti veditabbo. Sesam vuttanayameva.

Vedanāvāraṇṇanā niṭṭhitā.

Phassavāraṇṇanā

98. Phassavāre cakkhusamphassoti cakkhumhi samphasso. Esa nayo sabbattha. Cakkhusamphasso...pe... kāyasamphassoti ettāvata ca kusalākusalavipākā pañcavatthukā dasa samphassā vuttā honti. Manosamphassoti iminā sesā bāvīsati lokiyavipākamanasampayuttaphassā. Saḷāyatanasamudayāti channaṃ cakkhādīnaṃ āyatanānaṃ samudayena imassa chabbidhassāpi samphassassa samudayo hotīti veditabbo. Sesam vuttanayamevāti.

Phassavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Salāyatanavāraṇṇanā

99. Saḷāyatanavāre cakkhāyatanantiādīsu yaṃ vattabbaṃ, taṃ sabbam visuddhimagge khandhaniddese ceva āyatananiddese ca vuttanayameva. Nāmarūpasamudayāti ettha pana yaṃ nāmaṃ yañca rūpaṃ, yañca nāmarūpaṃ yassa āyatanassa paccayo hoti, tassa vasena visuddhimagge paṭiccasamuppādaniddese vuttanayena nāmarūpasamudayā saḷāyatanasamudayo veditabbo. Sesam vuttappakāramevāti.

Salāyatanavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Nāmarūpavāraṇṇanā

100. Nāmarūpavāre namanalakkhaṇaṃ nāmaṃ. Ruppanalakkhaṇaṃ rūpaṃ. Vitthāravāre panassa vedanāti vedanākkhandho. Saññāti saññākkhandho. Cetaṇā phasso manasikāroti sañkhārakkhandho veditabbo. Kāmañca aññepi sañkhārakkhandhasaṅgahitā dhammā santi, ime pana tayo sabbadubbalesupi cittesu santi. Tasmā etesaṃyeva vasenettha sañkhārakkhandhopi dassito. Cattāri ca mahābhūtānīti ettha cattārīti gaṇanaparicchedo. Mahābhūtānīti pathavīpatejavāyānametaṃ adhivacanaṃ. Yena pana kāraṇena tāni mahābhūtānīti vuccanti, yo cettha añño vinicchayanayo, so sabbo visuddhimagge rūpakkhandhaniddese vutto.

Catunnañca mahābhūtānaṃ upādāyāti ettha pana catunnanti upayogatthe sāmivacanaṃ, cattāri ca mahābhūtānīti vuttaṃ hoti. Upādāyāti upādiyitvā, gahetvāti attho. Nissāyātipi eke. Vattamānanti ayañcettha pāthaseso. Samūhatthe vā etaṃ sāmivacanaṃ. Tena catunnañca mahābhūtānaṃ samūhaṃ upādāya pavattamānaṃ

rūpanti ayamattho veditabbo. Evaṃ sabbatthāpi yāni cattāri pathaviādīni mahābhūtāni, yañca catunnaṃ mahābhūtānaṃ upādāya vattamaṇaṃ cakkhāyatanādibhedena abhidhammapāḷiyameva vuttaṃ tevīsatividhaṃ rūpaṃ, taṃ sabbampi “rūpa”nti veditabbaṃ. Viññāṇasamudayāti ettha pana yaṃ viññāṇaṃ yassa nāmassa yassa ca rūpassa yassa ca nāmarūpassa paccayo hoti, tassa vasena visuddhimagge paṭiccasamuppādaniddese vuttanayeneva viññāṇasamudayā nāmarūpasamudayo veditabbo. Sesamaṃ vuttanayamevāti.

Nāmarūpavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Viññāṇavāraṇṇanā

101. Viññāṇavāre cakkhuvīññāṇanti cakkhumhi viññāṇaṃ, cakkhuto vā jātaṃ viññāṇanti cakkhuvīññāṇaṃ. Evaṃ sotaghānajivhākāyaviññāṇāni. Itamaṃ pana manoyeva viññāṇanti manovīññāṇaṃ. Dvipaṅcaviññāṇavajjassa tebhūmakavipākacittasetaṃ adhivacanaṃ. Saṅkhārasamudayāti ettha pana yo saṅkhāro yassa viññāṇassa paccayo hoti, tassa vasena saṅkhārasamudayā viññāṇasamudayo veditabbo. Sesamaṃ vuttanayamevāti.

Viññāṇavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Saṅkhāravāraṇṇanā

102. Saṅkhāravāre abhisāṅkharaṇalakkhaṇo saṅkhāro. Vitthāravāre paṇassa kāyasaṅkhāroti kāyato pavattasaṅkhāro, kāyadvāre copanavasena pavattānaṃ kāmāvacarakusalato aṭṭhannaṃ, akusalato dvādasannaṃ vīsatiyā kāyasaṅcetanānametaṃ adhivacanaṃ. Vacīsaṅkhāroti vacito pavattasaṅkhāro, vacīdvāre vacanabhedavasena pavattānaṃ vīsatiyā eva vacīsaṅcetanānametaṃ adhivacanaṃ. Cittasaṅkhāroti cittato pavattasaṅkhāro, kāyavacīdvāre copanaṃ akatvā raho nisīditvā cintayantassa pavattānaṃ lokiyakusalākusalavasena ekūnatimsamanosaṅcetanānametaṃ adhivacanaṃ. Avijjāsamudayāti ettha pana kusalānaṃ upanissayavasena akusalānaṃ saha-jātādivasenāpi avijjāpaccayo hotīti veditabbā. Sesamaṃ vuttanayamevāti.

Saṅkhāravāraṇṇanā niṭṭhitā.

Avijjāvāraṇṇanā

103. Avijjāvāre dukkhe aññāṇanti dukkhasacce aññāṇaṃ, mohassetam adhivacanaṃ. Esa nayo samudaye aññāṇantiādīsu. Tattha catūhi kāraṇehi dukkhe aññāṇaṃ veditabbaṃ antogadhato vatthuto ārammaṇato paṭicchādanato ca. Tathā hi taṃ dukkhasaccapariyāpannattā dukkhe antogadhaṃ, dukkhasaccañcassa nissayapaccayabhāvena vatthu, ārammaṇapaccayabhāvena ārammaṇaṃ, dukkhasaccañca etaṃ paṭicchādeti, tassa yāthāvalakkhaṇappaṭivedhanivāraṇena, ñāṇappavattiyā cettha appadānena.

Samudaye aññāṇaṃ tīhi kāraṇehi veditabbaṃ vatthuto ārammaṇato paṭicchādanato ca. Nirodhe paṭipadāyañca aññāṇaṃ ekeneva kāraṇena veditabbaṃ paṭicchādanato. Nirodhapaṭipadāya hi paṭicchādakameva aññāṇaṃ tesam yāthāvalakkhaṇappaṭivedhanivāraṇena, tesu ca ñāṇappavattiyā appadānena. Na pana tattha antogadhaṃ, tasmim saccadvaye apariyāpannattā. Na tassa taṃ saccadvayaṃ vatthu, asahajātattā. Nārammaṇaṃ, tadārabba appavattanato. Pacchimañhi saccadvayaṃ gambhīrattā duddasaṃ, na cettha andhabhūtaṃ aññāṇaṃ pavattati. Purimaṃ pana vañcaniyatṭhena sabhāvalakkhaṇassa duddasattā gambhīraṃ, tattha vipallāsaggāhavasena pavattati.

Apica dukkheti ettāvataṃ saṅghato vatthuto ārammaṇato kiccato ca avijjā dīpitā. Dukkhasamudayeti ettāvataṃ vatthuto ārammaṇato kiccato ca. Dukkhanirodhe dukkhanirodhagāminiyā paṭipadāyāti ettāvataṃ kiccato. Avisesato pana aññāṇanti etena sabhāvato niddiṭṭhāti ñātābbā. Āsavasamudayāti ettha pana kāmāsavabhavāsavā saṅghātādivasena avijjāya paccayā honti. Avijjāsavo upanissayavaseneva. Pubbuppanā cettha avijjā avijjāsavoti veditābbā. Sā aparāparuppanāya avijjāya upanissayapaccayo hoti. Sesam vuttanayamevāti.

Avijjāvāraṇṇanā niṭṭhitā.

Āsavavāraṇṇanā

104. Āsavavāre avijjāsamudayāti ettha avijjā kāmāsavabhavāsavānaṃ saṅghātādivasena paccayo hoti. Avijjāsavassa upanissayavaseneva. Aparāparuppanā cettha avijjā avijjāsavoti veditābbā. Pubbuppanā avijjāyevassa aparāparuppanassa avijjāsavassa upanissayapaccayo hoti. Sesam vuttanayamevāti. Ayaṃ vāro yā esā paṭiccasamuppādapadesu jeṭṭhikā avijjā, tassāpi paccayadassanavasena vutto. Evaṃ vuttana vārena saṃsārassa anamataggatā sādhitā hoti. Kathaṃ? Āsavasamudayena hi avijjāsamudayo. Avijjāsamudayenāpi

āsavasamudayo. Evaṃ āsavā avijjāya avijjāpi āsavānaṃ paccayoti katvā pubbakoṭṭi na paññāyati avijjāya, tassā apaññāyanato saṃsārassa anamataggaṭṭā siddhā hotīti.

Evaṃ sabbepime imasmiṃ sutte kammaṭṭhāvāro āhāravāro dukkhāvāro jarā-maraṇa-jāti-bhava-upādāna-taṇhā-vedanā-phassa-salāyatana-nāmarūpa- viññāna-saṅkhāra-avijjā-āsavavāroṭṭi soḷasavārā vuttā.

Tesu ekekassa vārassa saṅkhepavittthārasena dvidhā vibhattā dvattiṃsaṭṭhānāni honti. Iti imasmiṃ sutte imesu dvattiṃsaṭṭhānesu cattāri saccāni kathitāni. Etesaṃyeva vittthārasena vuttasu soḷasasu ṭhānesu arahattaṃ kathitaṃ. Therassa pana matena dvattiṃsāyapi ṭhānesu cattāri saccāni cattāro ca maggā kathitāti. Iti sakalepi pañcamahānikāyasaṅgahite buddhavacane natthi taṃ suttaṃ, yattha dvattiṃsakkhattuṃ cattāri saccāni dvattiṃsakkhattuṃca arahattaṃ pakāsitaṃ aññatra imamahā sammādiṭṭhisuttāti.

Idamavocāyasmā sārīputtoti idaṃ dvattiṃsāya catusaccapariyāyehi dvattiṃsāya ara

hattapariyāyehīti catusaṭṭhiyā kāraṇehi alaṅkaritvā sammādiṭṭhisuttaṃ āyasmā sārīputto avoca, attamaṇā te bhikkhū āyasmato sārīputtassa bhāsitaṃ abhinanduntī.

Āsavavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Sammādiṭṭhisuttavaṇṇanā niṭṭhitā.